

THÔNG TIN CHUNG

I Tên trường (cơ sở đào tạo NLYT): Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

- Địa chỉ: 06 Ngô Quyền - Tp Huế - Thừa Thiên Huế
- Điện thoại: 02343.822173
- Website: www.huemed-univ.edu.vn
- Fax: 0543.826269
- Email: hcmp@huemed-univ.edu.vn

II Hiệu trưởng: GS. TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

- Điện thoại bàn: 02343.822173
- Điện thoại di động: 0914066755
- Email: nvqhuy@huemed-univ.edu.vn

III Lãnh đạo Trường phụ trách công tác tuyển sinh: PGS.TS. Hoàng Bùi Bảo

- Điện thoại bàn: 02343.822173
- Điện thoại di động: 0905405005
- Email: hbbao@huemed-univ.edu.vn

IV Trưởng phòng Đào tạo đại học: PGS.TS. Nguyễn Trường An

- Điện thoại bàn: 02343.883867
- Điện thoại di động: 0914126398
- Email: ntan@huemed-univ.edu.vn

V Trưởng phòng Đào tạo sau đại học: TS. Phan Trung Nam

- Điện thoại bàn: 02343.820.857
- Điện thoại di động: 0914156622
- Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

M

Người lập bảng

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2021

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Ngành	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Liên kết đào tạo ⁽⁴⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính quy									
1.1	Y khoa	641	470	443	420	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT		Không có	Tại trường
1.2	Răng - Hàm - Mặt	111	174	172	120				
1.3	Y học dự phòng	145	98	75	60				
1.4	Y học cổ truyền	81	135	114	120				
1.5	Dược học	147	233	223	200				
1.6	Điều dưỡng	126	353	281	250				
1.7	Hộ sinh	0	49	37	50				
1.8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	102	177	153	160				
1.9	Kỹ thuật hình ảnh y học	48	122	90	80				
1.10	Y tế công cộng	30	40	11	40	- Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: 20 - Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT: 20			
	Tổng	1431	1851	1599	1500				
II. Đào tạo liên thông (chính quy tập trung)									
	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy								
2.1	Dược học	51	61	57	90	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT	Không có	Không có	Tại trường
2.2	Điều dưỡng	0	0	0	10				
2.3	Kỹ thuật xét nghiệm y học	11	0	0	10				
2.4	Kỹ thuật hình ảnh y học	7	0	0	10				
	Tổng	69	61	57	120				
III. Đào tạo liên thông (vừa làm vừa học)									
	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học								
3.1	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa)	40	36	33	60	Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT	Không có	Không có	Tại trường
3.2	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Gây mê hồi sức)	5	0	0	10				
3.3	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Phụ sản)	0	11	8	5		Không có	Không có	Tại trường
3.4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	14	24	19	50				
3.5	Kỹ thuật hình ảnh y học	65	54	48	70				
3.6	Y tế công cộng	0	0	0	5				
	Tổng	124	125	108	200				

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Họ tên: PGS.TS. Nguyễn Trường An

Chữ ký:

Điện thoại: 0914126398

Email: ntan@huemed-univ.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y - DƯỢC

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2021

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
I	Tiến sỹ				
1	Điện quang và y học hạt nhân				3
2	Khoa học y sinh		2	2	5
3	Nội khoa	11	3	3	5
4	Ngoại khoa		2	2	3
5	Nhi khoa				3
6	Sản phụ khoa	3	2	2	3
7	Y tế công cộng	1	1	1	3
	Tổng	15	10	10	25
II	Thạc sỹ				
1	Dược lý dược lâm sàng		9	9	8
2	Điện quang và y học hạt nhân	22	24	23	20
3	Điều dưỡng	11	15	15	20
4	Gây mê hồi sức	5	13	11	15
5	Khoa học y sinh	7	5	5	10
6	Nội khoa	29	49	41	45
7	Ngoại khoa	36	50	34	45
8	Nhi khoa	22	29	23	25
9	Quản lý bệnh viện				
10	Răng - Hàm - Mặt	14	18	17	15
11	Sản phụ khoa	13	24	22	20
12	Tai - Mũi - Họng	12	15	15	12
13	Y học cổ truyền	11	13	12	15
14	Y tế công cộng	25	32	32	50
	Tổng	207	296	259	300
III	Chuyên khoa 2				
1	Nội khoa	8	33	25	40
2	Nội tiêu hóa	3	1	1	5
3	Nội thận tiết niệu	1	1	1	3
4	Nội tiết		2	2	5
5	Nội tim mạch				5
6	Lão khoa	1			2
7	Thần kinh		1	1	3
8	Ngoại khoa	10	29	29	40
9	Chấn thương chỉnh hình	2	4	4	10

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghịệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
10	Ngoại tiêu hóa		1	1	5
11	Ngoại tiết niệu	1	2	2	5
12	Sản phụ khoa	17	7	7	10
13	Nhi khoa	10	1		15
14	Nhãn khoa	4	1	1	6
15	Mũi họng	1	2	2	3
16	Gây mê hồi sức	5	7	7	10
17	Chẩn đoán hình ảnh	3	6	6	10
18	Răng hàm mặt	1	1	1	15
19	Y học cổ truyền	9	1	1	20
20	Hóa sinh y học	1	1	1	3
21	Huyết học		1	1	5
22	Truyền nhiễm				5
23	Tâm thần	2	1	1	10
24	Quản lý y tế	31	35	34	50
25	Sản khoa				
26	Phụ khoa				
27	Nhi tiêu hóa				
28	Nhi tim mạch				2
29	Nhi thận tiết niệu				
30	Nhi sơ sinh				
31	Dược lý dược lâm sàng		2	2	5
	Tổng	110	140	130	292
IV	Chuyên khoa 1				
1	Nội khoa	75	67	67	75
2	Thần kinh	3	1	1	5
3	Ngoại khoa	25	15	14	30
4	Sản phụ khoa	12	35	34	30
5	Nhi khoa	30	42	39	40
6	Nhãn khoa	5	12	12	15
7	Răng Hàm Mặt	58	54	51	60
8	Tai Mũi Họng	6	14	11	15
9	Chẩn đoán hình ảnh	29	36	33	30
10	Gây mê hồi sức	33	36	37	50
11	Hồi sức cấp cứu	11	12	11	10
12	Y học cổ truyền	39	55	51	50
13	Phục hồi chức năng	7	19	19	20
14	Dược lý - Dược LS	7	79	72	60
15	Tổ chức - QLD	4	3	3	10

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghề nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
16	Dược liệu - DCT	1			10
17	Da liễu	8	21	21	20
18	Tâm thần	14	29	29	20
19	Truyền nhiễm	12	9	10	15
20	Hóa sinh y học	2			5
21	Huyết học TM	1	1	1	5
22	Y học gia đình	22	28	28	25
23	Y tế công cộng	2			10
24	Y học dự phòng	1	24	23	10
25	Dịch tễ học				3
26	Điều dưỡng	27	87	87	90
27	Cấp cứu đa khoa		1	1	6
28	Ung thư	1	2	2	5
29	Ký sinh trùng - CT				5
30	Lao				5
31	Sinh lý				3
32	Vì sinh y học				3
	Tổng	435	682	657	740
V	Bác sỹ Nội trú				
1	Chẩn đoán hình ảnh	10	14	14	14
2	Gây mê hồi sức	1	6	6	10
3	Huyết học truyền máu		2	2	3
4	Nội khoa	12	18	18	20
5	Ngoại khoa	19	20	20	20
6	Nhân khoa	6	6	6	6
7	Nhi khoa	14	16	16	15
8	Răng Hàm Mặt	5	10	10	10
9	Sản phụ khoa	10	10	10	10
10	Tai Mũi Họng	7	6	6	6
11	Ung thư	2	3	3	5
12	Y học cổ truyền	1	5	5	5
	Tổng	87	116	116	124

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

BÁO CÁO SỐ SINH VIÊN, HỌC VIÊN ĐANG HỌC NĂM HỌC 2021 - 2022

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
I	Sau đại học							
1.1	Tiến sĩ							
1	Điện quang và y học hạt nhân						3	3
2	Khoa học y sinh	2		1				3
3	Nội khoa	3	3	4		4	5	19
4	Ngoại khoa	2			1	1	5	9
5	Nhi khoa					3		3
6	Sản phụ khoa	2	1	1	1		3	8
7	Y tế công cộng	1				2	3	6
	Tổng	10	4	6	2	10	19	51
1.2	Thạc sĩ							
1	Dược lý dược lâm sàng	9	6					15
2	Điện quang và y học hạt nhân	23	17	4				44
3	Điều dưỡng	15	10					25
4	Gây mê hồi sức	11	6	1				18
5	Khoa học y sinh	5	7					12
6	Nội khoa	41	47	16				104
7	Ngoại khoa	34	33	20				87
8	Nhi khoa	23	28	15				66
9	Răng - Hàm - Mặt	17	14	4				35
10	Sản phụ khoa	22	16	14				52
11	Tai - Mũi - Họng	15	8	5				28
12	Y học cổ truyền	12	7					19
13	Y tế công cộng	32	20					52
	Tổng	259	219	79				557
1.3	Chuyên khoa 2							
1	Nội khoa	25	53					78
2	Nội tiêu hóa	1	2					3
3	Nội thận tiết niệu	1	1					2
4	Nội tiết	2	1					3
5	Nội tim mạch		2					2
6	Lão khoa							
7	Thần kinh	1	1					2
8	Ngoại khoa	29	2					31
9	Chấn thương chỉnh hình	4	3					7
10	Ngoại tiêu hóa	1	2					3
11	Ngoại tiết niệu	2	1					3
12	Sản phụ khoa	7	3					10
13	Nhi khoa		4					4

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
14	Nhân khoa	1	4					5
15	Mũi họng	2	1					3
16	Gây mê hồi sức	7	1					8
17	Chẩn đoán hình ảnh	6	6					12
18	Răng hàm mặt	1	7					8
19	Y học cổ truyền	1	8					9
20	Hóa sinh y học	1	1					2
21	Huyết học	1	1					2
22	Truyền nhiễm							
23	Tâm thần	1						1
24	Quản lý y tế	34						34
25	Sản khoa							
26	Phụ khoa							
27	Nhi tiêu hóa							
28	Nhi tim mạch		1					1
29	Nhi thận tiết niệu							
30	Nhi sơ sinh							
31	Dược lý dược lâm sàng	2						2
	Tổng	130	105					235
1.4	Chuyên khoa 1							
1	Nội khoa	67	94					161
2	Thần kinh	1	1					2
3	Ngoại khoa	14	15					29
4	Sản phụ khoa	34	19					53
5	Nhi khoa	39	20					59
6	Nhân khoa	12	16					28
7	Răng Hàm Mặt	51	47					98
8	Tai Mũi Họng	11	17					28
9	Chẩn đoán hình ảnh	33	32					65
10	Gây mê hồi sức	37	33					70
11	Hồi sức cấp cứu	11	9					20
12	Y học cổ truyền	51	79					130
13	Phục hồi chức năng	19	7					26
14	Dược lý - Dược LS	72	41					113
15	Tổ chức - QLD	3	27					30
16	Dược liệu - DCT							
17	Da liễu	21	5					26
18	Tâm thần	29	5					34
19	Truyền nhiễm	10	6					16
20	Hóa sinh y học		2					2
21	Huyết học TM	1	2					3
22	Y học gia đình	28	2					30
23	Y tế công cộng		25					25
24	Y học dự phòng	23	3					26

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
25	Dịch tễ học							
26	Điều dưỡng	87	37					124
27	Cấp cứu đa khoa	1						1
28	Ung thư	2	2					4
29	Ký sinh trùng - CT							
30	Lao		2					2
31	Sinh lý							
32	Vi sinh y học							
	Tổng	657	548					1205
1.5	Bác sỹ Nội trú							
1	Chẩn đoán hình ảnh	14	12	6				32
2	Gây mê hồi sức	6	2	1				9
3	Huyết học truyền máu	2	1	1				4
4	Nội khoa	18	18	16				52
5	Ngoại khoa	20	20	21				61
6	Nhân khoa	6	8	5				19
7	Nhi khoa	16	15	16				47
8	Răng Hàm Mặt	10	5	4				19
9	Sản phụ khoa	10	10	14				34
10	Tai Mũi Họng	6	6	6				18
11	Ung thư	3	4	7				14
12	Y học cổ truyền	5	2					7
	Tổng	116	103	97				316
II	Đại học chính quy							
1	Y khoa	442	421	430	407	503	331	2534
2	Răng - Hàm - Mặt	172	122	122	124	113	90	743
3	Y học dự phòng	75	42	46	39	82	98	382
4	Y học cổ truyền	114	102	88	98	78	66	546
5	Dược học	223	200	206	178	159		966
6	Điều dưỡng	281	206	197	166			850
7	Hộ sinh	37	35					72
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	153	149	107	116			525
9	Kỹ thuật hình ảnh y học	90	54	65	58			267
10	Y tế công cộng	11	6	10	25			52
	Tổng	1598	1337	1271	1211	935	585	6937
III	Đại học liên thông							
3.1.	Liên thông từ TC							
	Liên thông chính quy							
1	Y khoa			43				43
	Tổng			43				43
3.2.	Liên thông từ CD							
	Liên thông chính quy							
1	Dược học	57	43	45				145
2	Điều dưỡng		2					2
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học		20					20

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
	<i>Liên thông vừa làm vừa học</i>							
4	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa)	33	13					46
5	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Phụ sản)	8	3					11
6	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19	6					25
7	Kỹ thuật hình ảnh y học	48	3					51
	Tổng	165	90	45				300
IV	Cử tuyển							
1	Y khoa		1	8	8	20	3	40
2	Y học dự phòng					1		1
	Tổng		1	8	8	21	3	41

Người lập bảng 1

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

Người lập bảng 2

Họ tên: ThS. Bùi Thị Nguyệt

Chữ ký:

Điện thoại: 0838679929

Email: btnguyet@huemed-univ.edu.vn

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

Biểu 04: KHTS-ĐH

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2022

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Ngành	Tổng quy mô 31/12/2021	Dự kiến số tốt nghiệp 2022	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui							
1	Y khoa	2534	331	420	PT1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT PT2: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế		Tại trường
2	Răng - Hàm - Mặt	743	90	140	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT		Tại trường
3	Y học dự phòng	382	98	70			Tại trường
4	Y học cổ truyền	546	66	140			Tại trường
5	Dược học	966	159	210			Tại trường
6	Điều dưỡng	850	166	270			Tại trường
7	Hộ sinh	72	0	50			Tại trường
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	525	116	170			Tại trường
9	Kỹ thuật hình ảnh y học	267	58	100			Tại trường
10	Y tế công cộng	52	25	30			Tại trường
	Tổng	6937	1109	1600			
II. Đào tạo liên thông							
2.1.	Liên thông từ TC						
	Liên thông chính quy						
1	Y khoa	43	0	60	- PT1: Xét tuyển theo tổ hợp điểm thi TN THPT năm 2022. - PT2: Xét tuyển theo điểm học bạ cấp 3 THPT. - PT3: Thi tuyển riêng tại Trường ĐHYD, ĐHH	60	

TT	Ngành	Tổng quy mô 31/12/2021	Dự kiến số tốt nghiệp 2022	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Địa điểm đào tạo
2.2.	<i>Liên thông từ CĐ</i>						
	<i>Liên thông chính quy</i>						
1	Dược học	145	43	90	Thi tuyển		Tại trường
2	Điều dưỡng	2	2	10	Thi tuyển		Tại trường
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20	20	10	Thi tuyển		Tại trường
4	Kỹ thuật hình ảnh y học			10	Thi tuyển		Tại trường
	<i>Liên thông vừa làm vừa học</i>						
1	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa)	46	13	80	Thi tuyển		Tại trường
2	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Gây mê hồi sức)			15	Thi tuyển		Tại trường
3	Điều dưỡng (Chuyên ngành Điều dưỡng Phụ sản)	11	3	15	Thi tuyển		Tại trường
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	25	6	60	Thi tuyển		Tại trường
5	Kỹ thuật hình ảnh y học	51	3	80	Thi tuyển		Tại trường
6	Y tế công cộng	0	0		Thi tuyển		Tại trường
	Tổng	343	90	430			
III. Đào tạo cử tuyển							
1	Y khoa	40	3	Do ĐHH và Bộ GD&ĐT phân bổ			
2	Y học dự phòng	1					
	Tổng	41	3				

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Họ tên: PGS.TS. Nguyễn Trường An

Chữ ký:

Điện thoại: 0914126398

Email: ntan@huemed-univ.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

Biểu mẫu 05: KHTS-SĐH

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2022

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sĩ					
1	Điện quang và y học hạt nhân	3	2	5	Tuyển sinh liên tục trong năm theo Thông báo của Đại học Huế	Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
2	Khoa học y sinh	3		6		
3	Nội khoa	19	5	8		
4	Ngoại khoa	9	3	5		
5	Nhi khoa	3		2		
6	Sản phụ khoa	8	1	5		
7	Y tế công cộng	6	4	5		
	Tổng	51	15	36		
II	Thạc sĩ					
1	Dược lý dược lâm sàng	15	6	8	Dự kiến tháng 6, tháng 11	Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
2	Điện quang và y học hạt nhân	44	17	16		
3	Điều dưỡng	25	10	20		
4	Gây mê hồi sức	18	5	12		
5	Khoa học y sinh	12	7	15		
6	Nội khoa	104	45	55		
7	Ngoại khoa	87	34	45		
8	Nhi khoa	66	28	20		
9	Răng - Hàm - Mặt	35	13	15		
10	Sản phụ khoa	52	25	20		
11	Tai - Mũi - Họng	28	8	15		
12	Y học cổ truyền	19	5	10		
13	Y tế công cộng	52	20	30		
	Tổng	557	223	281		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
III	Chuyên khoa 2					
1	Nội khoa	78	53	30	Dự kiến tháng 6, tháng 11	Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
2	Nội tiêu hóa	3	2	5		
3	Nội thận tiết niệu	2	1	5		
4	Nội tiết	3	1	5		
5	Nội tim mạch	2	2	5		
6	Lão khoa			2		
7	Thần kinh	2	1	3		
8	Ngoại khoa	31	2	25		
9	Chấn thương chỉnh hình	7	3	5		
10	Ngoại tiêu hóa	3	2	5		
11	Ngoại tiết niệu	3	1	5		
12	Sản phụ khoa	10	3	10		
13	Sản khoa					
14	Phụ khoa					
15	Nhi khoa	4	4	15		
16	Nhi tiêu hóa					
17	Nhi tim mạch	1	1	2		
18	Nhi thận tiết niệu					
19	Nhi sơ sinh					
20	Nhân khoa	5	4	8		
21	Mũi họng	3	1	5		
22	Gây mê hồi sức	8	1	10		
23	Hồi sức cấp cứu			6		
24	Chẩn đoán hình ảnh	12	6	8		
25	Răng hàm mặt	8	7	10		
26	Y học cổ truyền	9	8	10		
27	Hóa sinh y học	2	1	3		
28	Huyết học	2	1	5		
29	Truyền nhiễm			5		
30	Tâm thần	1		10		
31	Quản lý y tế	34		35		
32	Dược lý dược lâm sàng	2		3		
33	Ung thư			10		
	Tổng	235	105	250		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/xét tuyển	Địa điểm đào tạo
IV	Chuyên khoa 1					
1	Nội khoa	161	94	25	Dự kiến tháng 6, tháng 11	Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
2	Thần kinh	2	1	5		
3	Ngoại khoa	29	15	30		
4	Sản phụ khoa	53	19	20		
5	Nhi khoa	59	20	50		
6	Nhân khoa	28	16	15		
7	Răng Hàm Mặt	98	47	50		
8	Tai Mũi Họng	28	17	20		
9	Chẩn đoán hình ảnh	65	32	60		
10	Gây mê hồi sức	70	33	50		
11	Hồi sức cấp cứu	20	9	10		
12	Y học cổ truyền	130	79	50		
13	Phục hồi chức năng	26	7	20		
14	Dược lý - Dược lâm sàng	113	41	60		
15	Tổ chức - Quản lý dược	30	27	30		
16	Dược liệu - Dược cổ truyền			10		
17	Da liễu	26	5	20		
18	Tâm thần	34	5	30		
19	Truyền nhiễm	16	6	15		
20	Hóa sinh y học	2	2	5		
21	Huyết học truyền máu	3	2	5		
22	Y học gia đình	30	2	40		
23	Y tế công cộng	25	25	15		
24	Y học dự phòng	26	3	15		
25	Dịch tễ học			3		
26	Điều dưỡng	124	37	65		
27	Cấp cứu đa khoa	1		6		
28	Ung thư	4	2	10		
29	Ký sinh trùng - CT			5		
30	Lao	2	2	5		
31	Sinh lý			3		
32	Vi sinh y học			3		
	Tổng	1205	548	750		

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/xét tuyển	Địa điểm đào tạo
V	Bác sỹ Nội trú					
1	Chẩn đoán hình ảnh	32	6	15	Dự kiến tháng 11	Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế
2	Gây mê hồi sức	9	1	10		
3	Hồi sức cấp cứu			8		
4	Huyết học truyền máu	4	1	3		
5	Nội khoa	52	16	20		
6	Ngoại khoa	61	21	20		
7	Nhân khoa	19	5	6		
8	Nhi khoa	47	16	15		
9	Răng Hàm Mặt	19	4	10		
10	Sản phụ khoa	34	14	10		
11	Tai Mũi Họng	18	6	7		
12	Ung thư	14	7	8		
13	Y học cổ truyền	7		3		
	Tổng	316	97	135		

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

M

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

Biểu mẫu 06: BCTS-GV



BẢNG CÁO SỐ LƯỢNG GIÁNG VIÊN HIỆN TẠI
Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu						Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng						Tổng thỉnh giảng	
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1		Đại học	GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2		CK1
I	Tiến sỹ															
1	Điện quang và y học hạt nhân		5	2				7								
2	Khoa học y sinh		3	5				8								
3	Nội khoa	5	7	6				18								
4	Ngoại khoa		7	11				18								
5	Nhi khoa		5	5				10								
6	Sản phụ khoa	1	2	7				10								
7	Y tế công cộng	1	2	12				15								
	Tổng	7	31	48				86								
II	Thạc sỹ															
1	Dược lý dược lâm sàng	1	2	4				7								
2	Điện quang và y học hạt nhân		4	2				6								
3	Điều dưỡng		1	6				7								
4	Gây mê hồi sức		1	3				4								
5	Khoa học y sinh		5	3				8								
6	Nội khoa	6	10	11				27								
7	Ngoại khoa		6	12		1		19								
8	Nhi khoa		6	6		2		14								
9	Răng - Hàm - Mặt		1	8		1		10								
10	Sản phụ khoa	2	3	6				11								
11	Tai - Mũi - Họng		4	3		1		8								
12	Y học cổ truyền		1	4		1		6								
13	Y tế công cộng		4	12				16								
	Tổng	9	48	80		6		143								

Minh

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu						Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng						Tổng thỉnh giảng
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	
III	Chuyên khoa 2														
1	Nội khoa	1	3	3				7			3		18		21
2	Nội tiêu hóa					1		1					1		1
3	Nội thận tiết niệu			1				1					1		1
4	Nội tiết	1				1		2			1				1
5	Nội tim mạch		1					1		1					1
6	Lão khoa	1						1					1		1
7	Thần kinh	1						1					1		1
8	Ngoại khoa		1	1				2			1		15		16
9	Chấn thương chỉnh hình			1				1					2		2
10	Ngoại tiêu hóa			1				1					1		1
11	Ngoại tiết niệu		1					1					2		2
12	Sản phụ khoa	1	1	1				3			1		5		6
13	Sản khoa														
14	Phụ khoa														
15	Nhi khoa		2					2					7		7
16	Nhi tiêu hóa														
17	Nhi tim mạch												1		1
18	Nhi thận tiết niệu														
19	Nhi sơ sinh														
20	Nhân khoa		1					1					2		2
21	Mũi họng		1	1				2					2		2
22	Gây mê hồi sức					1		1		1	2		2		5
23	Hồi sức cấp cứu		1					1			1				1
24	Chẩn đoán hình ảnh			1				1			1		3		4
25	Răng hàm mặt		1	2				3	1		1		3		5
26	Y học cổ truyền			3				3			1		3		4
27	Hóa sinh y học			1				1					1		1

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu						Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng						Tổng thỉnh giảng
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	
28	Huyết học			1				1			1				1
29	Truyền nhiễm		2		1			3							
30	Tâm thần			1				1			1		3		4
31	Quản lý y tế		3	5				8					15		15
32	Dược lý được lâm sàng			2				2							
33	Ung thư			2				2		1			1		2
	Tổng	5	18	27	1	3		54	1	3	14		90		108
IV	Chuyên khoa 1														
1	Nội khoa			1		1		2					10		10
2	Thần kinh					1		1							
3	Ngoại khoa			1		1		2					4		4
4	Sản phụ khoa			1				1					5		5
5	Nhi khoa		1			1		2					10		10
6	Nhân khoa					1		1					2		2
7	Răng Hàm Mặt			1		1		2		1			11		12
8	Tai Mũi Họng					2		2					2		2
9	Chẩn đoán hình ảnh			1	10	1		12			1		7		8
10	Gây mê hồi sức		1			1		2					7		7
11	Hồi sức cấp cứu		1					1			2				2
12	Y học cổ truyền			1		1		2			1		9		10
13	Phục hồi chức năng				6			6			1		3		4
14	Dược lý - Dược lâm sàng		3	4		1		8			1		5		6
15	Tổ chức - Quản lý dược			2				2					2		2
16	Dược liệu - Dược cổ truyền	1						1							
17	Da liễu			1	1			2					3		3
18	Tâm thần					1		1					5		5
19	Truyền nhiễm			1	1			2					2		2
20	Hóa sinh y học			1		1		2							

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu						Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng						Tổng thỉnh giảng	
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1		Đại học	GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2		CK1
21	Huyết học truyền máu					1		1								
22	Y học gia đình		1	4				5		1	1		1			3
23	Y tế công cộng		1	2				3								
24	Y học dự phòng			3				3			1					1
25	Dịch tễ học		1					1								
26	Điều dưỡng		1	9				10					7			7
27	Cấp cứu đa khoa		1					1								
28	Ung thư		1	1				2								
29	Ký sinh trùng - CT		1					1								
30	Lao					1		1								
31	Sinh lý			1				1								
32	Vi sinh y học		1					1								
	Tổng	1	14	35	18	16		84		2	8		95			105
V	Bác sỹ Nội trú															
1	Chẩn đoán hình ảnh		5	3				8		2			4			6
2	Gây mê hồi sức			1				1		1	1		3			5
3	Hồi sức cấp cứu			1				1					2			2
4	Huyết học truyền máu		1	1				2								
5	Nội khoa	2	6	1				9		1	6		3			10
6	Ngoại khoa		2	3				5		2	12		2			16
7	Nhân khoa			1				1		1			5			6
8	Nhi khoa		2	2		1		5			2		10			12
9	Răng Hàm Mặt			4		1		5			1		3			4
10	Sản phụ khoa	1	2					3			3		5			8
11	Tai Mũi Họng		3	1				4					3			3
12	Ung thư			1				1			3		1			4
13	Y học cổ truyền		1	1				2					2			2
	Tổng	3	22	20		2		47		7	28		43			78

Mina

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Giảng viên cơ hữu							Tổng cơ hữu	Giảng viên thỉnh giảng						Tổng thỉnh giảng
		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	Đại học		GS	PGS	Tiến sỹ	Thạc sỹ	CK2	CK1	
III	Đại học															
1	Y khoa	8	29	19	27	2	2	35	122	1	8	22	13	26		70
2	Răng - Hàm - Mặt		2	16	11	1		11	41	1		1		5	2	9
3	Y học dự phòng		3	9	10	1		1	24							
4	Y học cổ truyền		1	8	19	1		13	42					1	1	2
5	Dược học	1	3	8	52			5	69				1			1
6	Điều dưỡng		2	8	37	1	1	22	71							
7	Hộ sinh		3	5	7			1	16							
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học		5	4	15	1		5	30							
9	Kỹ thuật hình ảnh y học		1	4	14		1	5	25							
10	Y tế công cộng		1	2	10			1	14							
11	Giảng viên môn chung											9	21			30
	Tổng	9	50	83	202	7	4	99	454	2	8	23	14	32	3	82

Người lập bảng 1

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

Người lập bảng 2

Họ tên: PGS. TS. Nguyễn Trường An

Chữ ký:

Điện thoại: 0914126398

Email: ntnan@huemed-univ.edu.vn

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

Y - DƯỢC

TRƯỜNG

GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
III	Đại học				
3.1	Ngành Y khoa				
1		Bùi Bình Bảo Sơn	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa
2		Cao Ngọc Thành	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sán khoa
3		Hà Thị Minh Thi	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y sinh học di truyền
4		Hoàng Bùi Bảo	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
5		Lê Nghi Thành Nhân	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
6		Nguyễn Khoa Hùng	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
7		Nguyễn Minh Tâm	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y tế công cộng
8		Nguyễn Vũ Quốc Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sán khoa
9		Tôn Nữ Phương Anh	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y sinh học
10		Trần Văn Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
11		Bùi Thị Phước Vinh		Thạc sĩ	Nhi khoa
12		Bùi Thị Thương		Chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức
13		Dương Phúc Thái		Thạc sĩ	Nội khoa
14		Đặng Cao Khoa		Đại học	Y tế công cộng
15		Đặng Công Thuận		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh
16		Đặng Thanh		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
17		Hà Nữ Thuỳ Dương		Chuyên khoa cấp II	Huyết Học
18		Hà Thanh Thanh		Đại học	Bác sĩ y khoa
19		Hà Thị Hiền		Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
20		Hoàng Anh Dũng		Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
21		Hoàng Anh Tiến		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
22		Hoàng Hữu		Thạc sĩ	Ung bướu
23		Hoàng Khánh		Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
24		Hoàng Ngọc Diệu Trâm		Đại học	Y Đa khoa
25		Hoàng Thị Thuỳ Yên		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa
26		Hoàng Trung Hiếu		Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
27		Hoàng Việt Thắng		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
28		Hồ Anh Hiền		Thạc sĩ	Y học gia đình
29		Hồ Dũng		Thạc sĩ	Sức khỏe Tâm Thần
30		Hồ Ngọc Tiến Đạt		Đại học	Bác sĩ y khoa
31		Huỳnh Văn Minh		Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
32		Lê Đình Khánh		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
33		Lê Đức Huy		Đại học	Y học dự phòng
34		Lê Quang Thử		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
35		Lê Thanh Minh Triết		Đại học	Y Đa khoa
36		Lê Thanh Thái		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
37		Lê thị Bích Thúy		Đại học	Y học Dự phòng
38		Lê Thị Kim Huệ		Đại học	Phục hồi Chức năng
39		Lê Thị Liền		Đại học	Bác sĩ y khoa
40		Lê Thị Quỳnh Thu		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
41		Lê Trần Tuấn Anh		Đại học	Y đa khoa
42		Lê Văn Chi		Tiến sĩ	Nội khoa
43		Lê Văn Long		Thạc sĩ	Gây mê hồi sức
44		Lê Văn Ngọc Cường		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
45		Lê Văn Tâm		Tiến sĩ	Nội khoa
46		Lê Viết Nhật Hưng		Tiến sĩ	Nhân khoa
47		Mai Bá Hoàng Anh		Tiến sĩ	Da Liễu
48		Nguyễn Anh Vũ		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
49		Nguyễn Duy Bình		Thạc sĩ	Nội khoa
50		Nguyễn Duy Linh		Đại học	Y Đa khoa
51		Nguyễn Duy Nam Anh		Thạc sĩ	Nhi khoa
52		Nguyễn Đắc Hưng		Đại học	Y Đa khoa
53		Nguyễn Đình Sơn		Đại học	Y Đa khoa
54		Nguyễn Đình Toàn		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
55		Nguyễn Đoàn Văn Phú		Tiến sĩ	Ngoại khoa
56		Nguyễn Hải Thùy		Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
57		Nguyễn Hoàng Thùy Linh		Tiến sĩ	Nâng cao sức khỏe toàn cầu
58		Nguyễn Hữu Châu Đức		Tiến sĩ	Nhi khoa
59		Nguyễn Khánh Huy		Thạc sĩ	Nội khoa
60		Nguyễn Minh Tháo		Thạc sĩ	Ngoại khoa
61		Nguyễn Ngọc Tâm Đan		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
62		Nguyễn Nhật Minh		Tiến sĩ	Tiết niệu
63		Nguyễn Quỳnh Châu		Tiến sĩ	Y sinh học

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
64		Nguyễn Sanh Tùng		Tiến sĩ	Ngoại khoa
65		Nguyễn T. Thanh Bình C		Tiến sĩ	Nhi khoa
66		Nguyễn Tư Thế		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
67		Nguyễn Thị Anh		Đại học	Y học cổ truyền
68		Nguyễn Thị Cự		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa
69		Nguyễn Thị Đăng Thư		Đại học	Y học Dự phòng
70		Nguyễn Thị Hồng Chuyên		Thạc sĩ	Ung Bướu
71		Nguyễn Thị Hồng Nhi		Đại học	Y học dự phòng
72		Nguyễn Thị Lan Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa
73		Nguyễn Thị Nhi		Đại học	Bác sĩ y khoa
74		Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Truyền nhiễm
75		Nguyễn Thị Thu Thảo		Đại học	Điều dưỡng
76		Nguyễn Thị Thủy		Đại học	Y đa khoa
77		Nguyễn Thị Vân Kiều		Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
78		Nguyễn Trần Diệu Anh		Đại học	Bác sĩ y khoa
79		Nguyễn Trần Thúc Huân		Thạc sĩ	Ung bướu
80		Nguyễn Trường An		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
81		Nguyễn Văn Hùng		Tiến sĩ	Y tế công cộng
82		Nguyễn Văn Lượng		Tiến sĩ	Ngoại khoa
83		Nguyễn Văn Mão		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh
84		Nguyễn Văn Minh		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
85		Nguyễn Vĩnh Lạc		Thạc sĩ	Ngoại khoa
86		Nguyễn Xuân Mỹ		Thạc sĩ	Ngoại khoa
87		Phạm Anh Vũ		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
88		Phạm Thị Minh Thư		Thạc sĩ	Gây mê hồi sức
89		Phạm Văn Đức		Đại học	Y đa khoa
90		Phạm Võ Phương Thảo		Thạc sĩ	Nhi khoa
91		Phan Đình Tuấn Dũng		Tiến sĩ	Ngoại khoa
92		Phan Hùng Việt		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa
93		Phan Hữu Ngọc Minh		Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
94		Phan Thăng		Tiến sĩ	Hồi sức cấp cứu
95		Phan Thị Mỹ Trâm		Đại học	Bác sĩ y khoa
96		Phan Thị Thanh Hương		Đại học	Y Đa khoa
97		Phan Văn Năm		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhân khoa
98		Phùng Phương		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Ngoại khoa
99		Tôn Nữ Văn Anh		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa
100		Tôn Thất Minh Đạt		Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
101		Trần Duy Khiêm		Đại học	Y Đa khoa
102		Trần Hồng Phương Dung		Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
103		Trần Hùng		Thạc sĩ	Nội khoa
104		Trần Hữu Dăng		Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
105		Trần Như Minh Hằng		Tiến sĩ	Tâm thần
106		Trần Thị Hồng Vân		Đại học	Y Đa khoa
107		Trần Thị Quỳnh Như		Đại học	Răng hàm mặt
108		Trần Thị Quỳnh Trang		Đại học	Bác sĩ y khoa
109		Trần Thị Tổ Uyên		Đại học	Răng hàm mặt
110		Trần Thị Thu Lành		Chuyên khoa cấp I	Gây mê hồi sức
111		Trần Xuân Chương		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
112		Trần Xuân Minh Trí		Đại học	Y học Dự phòng
113		Trần Xuân Thịnh		Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
114		Văn Nữ Thùy Linh		Đại học	Chẩn đoán hình ảnh
115		Võ Hoài Bảo		Thạc sĩ	Y Đa khoa
116		Võ Khắc Tráng		Đại học	Răng hàm mặt
117		Võ Minh Tiếp		Đại học	Y học Dự phòng
118		Võ Minh Tuệ		Đại học	Y Đa khoa
119		Võ Tam		Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
120		Võ Thị Hân		Đại học	Y Đa khoa
121		Võ Thị Thu Thùy		Chuyên khoa cấp II	Nhi khoa
122		Võ Văn Đức		Tiến sĩ	Sản khoa
3.2	Ngành Răng - Hàm - Mặt				
1		Hoàng Anh Đào	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
2		Lê Phan Tường Quỳnh	X	Tiến sĩ	Y sinh học
3		Nguyễn Hải Quý Trâm	X	Tiến sĩ	Y sinh học
4		Nguyễn Hoàng Thanh Vân	X	Tiến sĩ	Nội khoa
5		Nguyễn Nguyễn Thái Bảo	X	Tiến sĩ	Chẩn thương chỉnh hình

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
6		Nguyễn Thị Thanh Hoàng	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
7		Nguyễn Thị Thùy Dương	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
8		Nguyễn Văn Minh	X	Thạc sĩ	Răng hàm mặt
9		Phan Anh Chi	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
10		Trần Tấn Tài	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
11		Cung Thiện Hải		Đại học	Răng Hàm Mặt
12		Dương Quang Tuấn		Thạc sĩ	Y học gia đình
13		Đặng Lê Hoàng Nam		Tiến sĩ	Ngoại khoa
14		Đặng Minh Huy		Tiến sĩ	Răng hàm mặt
15		Đỗ Phan Quỳnh Mai		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
16		Hoàng Minh Lợi		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
17		Hoàng Vũ Minh		Đại học	Răng hàm mặt
18		Hồ Sỹ Minh Đức		Đại học	Răng hàm mặt
19		Hồ Xuân Anh Ngọc		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
20		Lê Hồ Thị Quỳnh Anh		Đại học	Y học Dự phòng
21		Lê Thị Khánh Huyền		Đại học	Răng Hàm Mặt
22		Lê Thị Nhật Linh		Đại học	Bác sĩ RHM
23		Lê Thị Thu Nga		Đại học	Răng Hàm Mặt
24		Lê Văn Nhật Thắng		Đại học	Răng hàm mặt
25		Nguyễn Đức Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
26		Nguyễn Gia Kiều Ngân		Tiến sĩ	Răng hàm mặt
27		Nguyễn Hữu Trí		Tiến sĩ	Ngoại khoa
28		Nguyễn Lê Minh Trang		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
29		Nguyễn Nguyễn		Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
30		Nguyễn Toại		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Răng hàm mặt
31		Nguyễn Thanh Minh		Đại học	Bác sĩ RHM
32		Nguyễn Thị Hải Trinh		Đại học	Răng hàm mặt
33		Nguyễn Thị Hòa		Tiến sĩ	Y đa khoa
34		Nguyễn Thị Hoàng Yến		Tiến sĩ	Răng hàm mặt
35		Nguyễn Thị Nhật Vy		Tiến sĩ	Y và nha khoa
36		Nguyễn Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
37		Nguyễn Thị Thanh Bình		Thạc sĩ	Nhi khoa
38		Nguyễn Thị Thanh Huyền		Đại học	Y đa khoa
39		Phạm Nữ Như Ý		Chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt
40		Trần Thiện Mẫn		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
41		Võ Đức Toàn		Thạc sĩ	Y học gia đình
3.3	Ngành Y học dự phòng				
1		Đặng Thị Anh Thư	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
2		Đoàn Vương Diễm Khánh	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
3		Hoàng Khánh Hằng	X	Tiến sĩ	Sinh lý
4		Hoàng Thị Bạch Yến	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
5		Nguyễn Đình Minh Mẫn	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
6		Nguyễn Hoàng Lan	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y tế công cộng
7		Nguyễn Thị Thanh Nhân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
8		Phạm Minh Đức	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
9		Phan Trung Nam	X	Tiến sĩ	Y sinh học
10		Võ Văn Thắng	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y tế công cộng
11		Hà Chân Nhân		Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
12		Lê Nguyễn Thùy Dương		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
13		Nguyễn Thị bình Nguyễn		Thạc sĩ	Nội khoa
14		Nguyễn Thị Ngọc Khanh		Chuyên khoa cấp II	Tai Mũi Họng
15		Nguyễn Thị Thu		Thạc sĩ	Nhân khoa
16		Nguyễn Thị Thủy Uyên		Thạc sĩ	Y sinh học
17		Nguyễn Thị Trà My		Thạc sĩ	Da Liễu
18		Nguyễn Văn Cầu		Tiến sĩ	Y đa khoa
19		Phan Từ Khánh Phương		Thạc sĩ	Nội khoa
20		Phan Thị Bích Ngọc		Tiến sĩ	Y tế công cộng
21		Trần Đình Bình		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nhi khoa
22		Trương Thị Na		Thạc sĩ	Nhi khoa
23		Võ Minh Hoàng		Đại học	Y học dự phòng
24		Võ Việt Hà		Thạc sĩ	Nội khoa
3.4	Ngành Y học cổ truyền				
1		Đoàn Văn Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
2		Ngô Viết Lộc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
3		Nguyễn Ngọc Lê	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
4		Nguyễn Phương Thảo Tiên	X	Tiến sĩ	Khoa học đời học và Công nghệ sinh học
5		Nguyễn Thị Hiếu Dung	X	Tiến sĩ	Y sinh học
6		Nguyễn Thị Hương Lam	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
7		Nguyễn Thị Tân	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y học cổ truyền
8		Nguyễn Văn Hưng	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
9		Trần Nhật Minh	X	Thạc sĩ	Y học cổ truyền
10		Vương Thị Kim Chi	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
11		Châu Văn Hào		Đại học	Bác sĩ YHCT
12		Đặng Thị Thu Hằng		Đại học	Y đa khoa
13		Đoàn Thị Nhật Lệ		Đại học	Y học Cổ truyền
14		Đỗ Long		Thạc sĩ	Nhân khoa
15		Hà Quang Dũng		Thạc sĩ	Ngoại khoa
16		Hồ Xuân Dũng		Tiến sĩ	Ung bướu
17		Lê Thị Khánh Ly		Đại học	Bác sĩ YHCT
18		Lê Thị Minh Thảo		Đại học	Y học cổ truyền
19		Lê Thị Thu Thảo		Đại học	Y học cổ truyền
20		Lê Thy Phương Anh		Thạc sĩ	Nhi khoa
21		Lê Trọng Hiếu		Đại học	Bác sĩ y khoa
22		Nguyễn Hoàng		Thạc sĩ	Sán khoa
23		Nguyễn Phạm Phước Toàn		Thạc sĩ	Y sinh học
24		Nguyễn Phúc Thu Trang		Tiến sĩ	Nhi khoa
25		Nguyễn Quang Tâm		Đại học	Y học cổ truyền
26		Nguyễn Thị Hồng Thuý		Thạc sĩ	Y sinh học
27		Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ	Y sinh học
28		Nguyễn Thị Kim Liên		Đại học	Y học cổ truyền
29		Nguyễn Thị Thanh Phương		Đại học	Y đa khoa
30		Nguyễn Thiện Phước		Thạc sĩ	Y học cổ truyền
31		Nguyễn Viết Phương Nguyên		Đại học	Y học cổ truyền
32		Phạm Minh Trãi		Thạc sĩ	Nội khoa
33		Phạm Thị Xuân Mai		Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
34		Phan Văn Bảo Thắng		Thạc sĩ	Vi Sinh
35		Trần Doãn Tú		Thạc sĩ	Sán khoa
36		Trần Hữu Dũng		Tiến sĩ	Ngoại khoa
37		Trần Nguyễn Trà My		Thạc sĩ	Nhân khoa
38		Trần Nhật Tiến		Thạc sĩ	Ngoại khoa
39		Trần Quang Trung		Thạc sĩ	Nội khoa
40		Trần Thị Trà My		Đại học	Y Đa khoa
41		Trần Vinh Phú		Thạc sĩ	Nhi khoa
42		Trương Thanh Tú		Đại học	Y học Cổ truyền
3.5	Ngành Dược học				
1		Nguyễn Thị Hoài	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Dược
2		Đào Thị Cẩm Minh	X	Tiến sĩ	Dược
3		Hồ Hoàng Nhân	X	Tiến sĩ	Dược
4		Hồ Việt Đức	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Hóa học
5		Lê Chuyên	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
6		Lê Thị Loan Chi	X	Tiến sĩ	Dược
7		Lê Thị Minh Nguyệt	X	Thạc sĩ	Dược
8		Trần Hữu Dũng	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Dược
9		Trần Thái Sơn	X	Thạc sĩ	Dược
10		Võ Thị Hồng Phượng	X	Thạc sĩ	Dược
11		Lê Chí Cao		Thạc sĩ	Y sinh học
12		Cao Thị Cẩm Nhung		Thạc sĩ	Dược
13		Đoàn Phạm Phước Long		Thạc sĩ	Nội khoa
14		Đoàn Thị Ái Nghĩa		Thạc sĩ	Dược
15		Đoàn Thị Thiện Hào		Thạc sĩ	Nội khoa
16		Đỗ Quang Tâm		Thạc sĩ	Vật lý
17		Đỗ Thị Hồng Diệp		Thạc sĩ	Y sinh học
18		Hoàng Xuân Huyền Trang		Thạc sĩ	Dược
19		Lê Bá Hứa		Thạc sĩ	Nội khoa
20		Lê Đình Dương		Thạc sĩ	Y tế công cộng
21		Lê Hoàng Hào		Thạc sĩ	Dược
22		Lê Thị Bích Hiền		Thạc sĩ	Dược
23		Lê Thị Kim Dung		Thạc sĩ	Hóa học
24		Lê Thị Thanh Ngọc		Thạc sĩ	Dược

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
25		Lê Trọng Nhân		Thạc sĩ	Công nghệ Y sinh học
26		Lê Văn Dậu		Thạc sĩ	Giải phẫu
27		Lưu Nguyễn Nguyệt Trâm		Thạc sĩ	Dược
28		Ngô Thị Kim Cúc		Thạc sĩ	Dược lý- Dược lâm sàng
29		Ngô Thị Thu Hằng		Thạc sĩ	Dược
30		Ngô Thị Thuận		Thạc sĩ	Vật lý
31		Nguyễn Bá Lưu		Thạc sĩ	Ngoại khoa
32		Nguyễn Đình Quỳnh Phú		Thạc sĩ	Dược
33		Nguyễn Đức Tùng		Thạc sĩ	CNTT
34		Nguyễn Hoài Bảo Châu		Thạc sĩ	Dược
35		Nguyễn Hồng Trang		Thạc sĩ	Dược
36		Nguyễn Hữu Tiến		Thạc sĩ	Dược
37		Nguyễn Khánh Thùy Linh		Thạc sĩ	Dược
38		Nguyễn Lê Hồng Vân		Thạc sĩ	Y sinh học
39		Nguyễn Minh Hoa		Tiến sĩ	Vật lý
40		Nguyễn Ngọc Huy		Thạc sĩ	Sinh học
41		Nguyễn Phước Bích Ngọc		Thạc sĩ	Dược
42		Nguyễn Thành Phúc		Thạc sĩ	Ngoại khoa
43		Nguyễn Thành Tín		Thạc sĩ	Y sinh học
44		Nguyễn Thanh Tùng		Tiến sĩ	Khoa học sự sống
45		Nguyễn Thị Anh Thư		Thạc sĩ	Sinh học
46		Nguyễn Thị Hồng Nga		Thạc sĩ	Toán học
47		Nguyễn Thị Khánh Linh		Đại học	Y đa khoa
48		Nguyễn Thị Như Ngọc		Thạc sĩ	Dược
49		Nguyễn Thị Quỳnh Như		Đại học	Dược
50		Nguyễn Thị Ý Nhi		Thạc sĩ	Nội khoa
51		Nguyễn Việt Khấn		Thạc sĩ	Dược
52		Nguyễn Vĩnh Phú		Đại học	Hóa học
53		Nguyễn Xuân Nhân		Đại học	Y Đa khoa
54		Phan Đặng Thục Anh		Thạc sĩ	Dược
55		Phan Thị Hằng Giang		Thạc sĩ	Y sinh học
56		Phan Thị Minh Tâm		Thạc sĩ	Y học chức năng
57		Thái Khoa Bảo Châu		Thạc sĩ	Dược
58		Trần Đại Tri Hân		Tiến sĩ	Tiến sĩ y học
59		Trần Thanh Loan		Thạc sĩ	Y sinh học
60		Trần Thế Huân		Thạc sĩ	Dược
61		Trần Thị Kim Anh		Thạc sĩ	Thạc sĩ Nội khoa
62		Trần Thị Mai Liên		Thạc sĩ	Y tế công cộng
63		Trần Thị Thùy Linh		Thạc sĩ	Dược
64		Trương Thị Khánh Phương		Tiến sĩ	Toán học
65		Trương Việt Thành		Tiến sĩ	Dược
66		Văn Thị Minh An		Thạc sĩ	Nội khoa
67		Võ Quốc Hùng		Thạc sĩ	Dược
68		Võ Thị Hoài Hương		Đại học	Y Đa khoa
69		Võ Thị Tuyết Vi		Thạc sĩ	Vật lý
3.6	<u>Ngành Điều dưỡng</u>				
1		Hồ Duy Bình	X	Tiến sĩ	Y học
2		Dương Thị Ngọc Lan	X	Tiến sĩ	Nội khoa
3		Đào Nguyễn Diệu Trang	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4		Hồ Thị Thùy Trang	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
5		Lê Văn An	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
6		Nguyễn Thị Anh Phương	X	Tiến sĩ	Nghiên cứu y học - Sức khỏe quốc tế
7		Nguyễn Thị Kim Hoa	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
8		Nguyễn Thị Minh Thành	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
9		Nguyễn Trường Sơn	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
10		Tôn Nữ Minh Đức	X	Thạc sĩ	Điều dưỡng
11		Nguyễn Thị Phương Thảo		Tiến sĩ	Điều dưỡng
12		Hoàng Thế Hiệp		Thạc sĩ	Sán khoa
13		Bùi Lê Thanh Nhân		Thạc sĩ	Sinh học
14		Bùi Mạnh Hùng		Đại học	Y đa khoa
15		Bùi Thị Thuý Nga		Thạc sĩ	Gây mê hồi sức
16		Châu Ngọc Phương Thanh		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
17		Dương Đức Hòa		Đại học	CN. Điều dưỡng

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
18		Dương Thị Mỹ		Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
19		Đặng Thị Ngọc Hoa		Thạc sĩ	Hóa học
20		Đặng Thị Thanh Phúc		Thạc sĩ	Điều dưỡng
21		Đặng Thị Thu Hằng		Đại học	Y Đa khoa
22		Đinh Thị Phương Hoài		Thạc sĩ	Ngoại khoa
23		Đỗ Hồ Tình Tâm		Thạc sĩ	Nhi khoa
24		Hoàng Minh Phương		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
25		Hoàng Phước Minh		Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
26		Hồ Minh Trí		Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
27		Hồ Thị Dạ Thảo		Đại học	Y Đa khoa
28		Hồ Trần Tuấn Hùng		Thạc sĩ	Sản phụ khoa
29		Lê Hà Thủy Nhung		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
30		Lê Mỹ Hương		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
31		Lê Thị Mai Anh		Thạc sĩ	Nhi khoa
32		Lương Việt Thắng		Đại học	Y đa khoa
33		Mai Bá Hải		Tiến sĩ	Điều dưỡng
34		Mai Thị Cẩm Cát		Đại học	Y đa khoa
35		Ngô Minh Đạo		Thạc sĩ	Nội khoa
36		Ngô Thị Diệu Hương		Đại học	Bác sĩ y khoa
37		Ngô Thị Minh Thảo		Đại học	Bác sĩ y khoa
38		Nguyễn Duy Dẫn		Thạc sĩ	Nội khoa
39		Nguyễn Đăng Vinh Hưng		Đại học	Y Đa khoa
40		Nguyễn Linh Giang		Đại học	Bác sĩ y khoa
41		Nguyễn Phước Minh Tâm		Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
42		Nguyễn Quang Mẫn		Thạc sĩ	Vật lý
43		Nguyễn Quang Ngọc Linh		Thạc sĩ	Tâm Thần
44		Nguyễn Thị Mây		Đại học	Điều dưỡng
45		Nguyễn Thị Nguyệt Minh		Chuyên khoa cấp I	Nhân khoa
46		Nguyễn Thị Thanh Thanh		Thạc sĩ	Điều dưỡng
47		Nguyễn Văn Tuy		Thạc sĩ	Nhi khoa
48		Phạm Thị Thạch Thảo		Đại học	Bác sĩ y khoa
49		Phạm Thị Thủy Vũ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
50		Phan Ngọc Đan Thanh		Đại học	Y đa khoa
51		Phan Thị Tổ Như		Thạc sĩ	Điều dưỡng
52		Phan Thị Thủy Vân		Đại học	Y đa khoa
53		Tôn Thất Cảnh Trí		Đại học	Y học dự phòng
54		Trần Thị Hằng		Đại học	Điều dưỡng
55		Trần Thị Huyền Phương		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
56		Trần Thị Nguyệt		Thạc sĩ	Điều dưỡng
57		Trần Thuý Hiền		Thạc sĩ	Toán học
58		Trần Văn Hòa		Chuyên khoa cấp II	Quản lý y tế
59		Trần Văn Khôi		Thạc sĩ	Ngoại khoa
60		Trần Văn Vui		Đại học	Y học dự phòng
61		Trần Vũ Huân		Đại học	Y đa khoa
62		Trần Xuân Phương		Thạc sĩ	Răng hàm mặt
63		Trương Thị Phương Lan		Tiến sĩ	Sinh lý học thực vật
64		Trương Thị Quỳnh Ngân		Đại học	Y đa khoa
65		Võ Châu Ngọc Anh		Thạc sĩ	Hóa học
66		Võ Đoàn Minh Nhật		Thạc sĩ	Tai Mũi Họng
67		Võ Hoàng Lâm		Đại học	Bác sĩ y khoa
68		Võ Tường Thảo Vy		Đại học	Y đa khoa
69		Võ Thanh Tôn		Thạc sĩ	Điều dưỡng
70		Võ Thị Diễm Bình		Thạc sĩ	Điều dưỡng
71		Võ Thị Nhi		Đại học	Điều dưỡng
3.7	Ngành Hộ sinh				
1		Lê Minh Tâm	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Sán khoa
2		Nguyễn Thị Kim Anh	X	Tiến sĩ	Sán khoa
3		Lê Lam Hương	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Sán khoa
4		Nguyễn Đắc Nguyên	X	Thạc sĩ	Sán khoa
5		Nguyễn Trần Thảo Nguyên	X	Tiến sĩ	Sán khoa
6		Trần Mạnh Linh	X	Tiến sĩ	Sán khoa
7		Trương Quang Vinh	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Sán khoa
8		Trương Thị Linh Giang	X	Tiến sĩ	Sán khoa
9		Võ Văn Khoa	X	Thạc sĩ	Sán khoa
10		Trần Thị Ngọc Bích	X	Thạc sĩ	Sán khoa
11		Hoàng Thị Mai Thanh		Tiến sĩ	Y học chức năng

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
12		Hồ Lý Minh Tiên		Thạc sĩ	Nhi khoa
13		Lê Bình Phương Nguyên		Thạc sĩ	Nhi khoa
14		Lê Sĩ Phúc An		Đại học	Y Đa khoa
15		Phạm Thăng Long		Thạc sĩ	Hoá sinh
16		Trần Thị Quỳnh Trang		Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
3.8	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học				
1		Hoàng Thị Anh Thư	X	Thạc sĩ	Huyết Học
2		Lê Phan Minh Triết	X	Tiến sĩ	Y sinh học
3		Lê Văn An	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Vi Sinh lâm sàng và phân tử
4		Ngô Thị Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y sinh học
5		Ngô Viết Quỳnh Trâm	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Vi Sinh lâm sàng và phân tử
6		Nguyễn Hoàng Bách	X	Tiến sĩ	Vi sinh miễn dịch
7		Nguyễn Minh Quang	X	Thạc sĩ	Y học chức năng
8		Nguyễn Thị Châu Anh	X	Đại học	Y sinh học
9		Phù Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Hóa sinh
10		Lê Thị Bảo Chi	X	Thạc sĩ	Y sinh học
11		Đặng Như Thành		Thạc sĩ	Ngoại khoa
12		Đoàn Thị Duyên Anh		Thạc sĩ	Y sinh học
13		Hoàng Đình Anh Hào		Thạc sĩ	Ngoại khoa
14		Hoàng Minh Vũ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
15		Hoàng Thanh Hải		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
16		Hoàng Thị Thu Hương		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Hoá sinh
17		Hồ Trần Phương		Thạc sĩ	Huyết Học
18		Lê Phước Hoàng		Thạc sĩ	Nội khoa
19		Lê Thị Hồng Vân		Thạc sĩ	Nội khoa
20		Ngô Quý Trân		Đại học	Y đa khoa
21		Nguyễn Đắc Duy Nghiêm		Đại học	Y đa khoa
22		Nguyễn Phan Hồng Ngọc		Thạc sĩ	Nội khoa
23		Nguyễn Thanh Minh		Chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa
24		Nguyễn Thị Thuý Hằng		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
25		Phan Thị Minh Phương		Phó giáo sư, Tiến sĩ	Miễn dịch
26		Trần Nam Đông		Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh
27		Trần Thị Nam Phương		Đại học	Y đa khoa
28		Trần Thị Tiên Xinh		Đại học	Y đa khoa
29		Trương Thị Quỳnh Như		Thạc sĩ	Y học chức năng
30		Trương Xuân Long		Thạc sĩ	Nội khoa
3.9	Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học				
1		Nguyễn Thanh Thảo	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
2		Trần Thị Sông Hương	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
3		Châu Thị Hiền Trang	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
4		Hoàng Thị Ngọc Hà	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
5		Hoàng Thị Phương Thảo	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
6		Lê Trọng Bình	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
7		Lê Trọng Khoan	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
8		Ngô Đắc Hồng Ân	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
9		Nguyễn Công Quỳnh	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
10		Trương Quang Quý	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
11		Đặng Cẩm Nhung		Đại học	Bác sĩ y khoa
12		Hoàng Cao Thắng		Chuyên khoa cấp I	Hóa sinh
13		Hoàng Ngọc Thành		Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
14		Lê Đình Đạm		Thạc sĩ	Ngoại khoa
15		Lê Hồng Phúc		Tiến sĩ	Ngoại khoa
16		Lê Tuấn Linh		Thạc sĩ	Y học chức năng
17		Lê Thanh Huy		Thạc sĩ	Ung bướu
18		Lê Thị Thu Thảo		Thạc sĩ	Y sinh học
19		Nguyễn Thảo Vân		Đại học	Kĩ thuật chẩn đoán HA
20		Nguyễn Thị Thùy Linh		Đại học	Y đa khoa
21		Nguyễn Trần Bảo Song		Đại học	Y đa khoa
22		Vĩnh Khánh		Tiến sĩ	Nội khoa
23		Võ Minh Nhật		Thạc sĩ	Ngoại khoa
24		Võ Thị Hạnh Thảo		Thạc sĩ	Y sinh học
25		Võ Thị Thiên Hưng		Đại học	CN. HAYH

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
3.10	Ngành Y tế công cộng				
1		Đoàn Phước Thuộc	X	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Y tế công cộng
2		Hoàng Đình Tuyên	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
3		Lương Thanh Bảo Yến	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
4		Ngô Thị Diệu Hường	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
5		Nguyễn Thị Hường	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
6		Nguyễn Văn Hòa	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
7		Trần Thị Táo	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
8		Trần Thị Thanh Nhân	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
9		Bùi Thị Phương Anh	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
10		Võ Nữ Hồng Đức	X	Thạc sĩ	Y tế công cộng
11		La Bảo Châu		Đại học	CN. Dinh dưỡng
12		Nguyễn Thanh Gia		Tiến sĩ	Y tế công cộng
13		Nguyễn Thị Nga		Thạc sĩ	Y tế công cộng
14		Trần Bình Thắng		Tiến sĩ	Y tế công cộng

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

Người lập bảng 1

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

Người lập bảng 2

Họ tên: PGS. TS. Nguyễn Trường An

Chữ ký:

Điện thoại: 0914126398

Email: ntan@huemed-univ.edu.vn



PGS. TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

Biểu 06A: BCDS-DSGVCH



DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
I	Tiến sĩ				
1.1	Điện quang và y học hạt nhân				
1		Lê Văn Ngọc Cường	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
2		Lê Trọng Khoan	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
3		Hoàng Minh Lợi	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
4		Lê Trọng Bình	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
5		Nguyễn Thanh Thảo	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
6		Nguyễn Văn Mão	X	PGS, Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh
7		Đặng Công Thuận	X	PGS, Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh
1.2	Khoa học y sinh				
1		Phan Thị Minh Phương	X	Tiến sĩ	Miễn dịch
2		Lê Văn An	X	PGS, Tiến sĩ	Vì Sinh lâm sàng và phân tử
3		Tôn Nữ Phương Anh	X	Tiến sĩ	Y sinh học
4		Ngô Thị Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y sinh học
5		Phù Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Hóa sinh
6		Ngô Viết Quỳnh Trâm	X	PGS, Tiến sĩ	Vì Sinh lâm sàng và phân tử
7		Nguyễn Phương Thảo Tiên	X	Tiến sĩ	Khoa học đời học và Công nghệ sinh học
8		Hà Thị Minh Thi	X	PGS, Tiến sĩ	Y sinh học di truyền
1.3	Nội khoa				
1		Trần Hữu Dàng	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
2		Hoàng Khánh	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
3		Huỳnh Văn Minh	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
4		Võ Tam	X	Tiến sĩ	Nội khoa
5		Nguyễn Hải Thủy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
6		Hoàng Thị Thu Hương	X	PGS, Tiến sĩ	Hoá sinh
7		Hoàng Viết Thắng	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
8		Nguyễn Anh Vũ	X	Tiến sĩ	Nội khoa
9		Nguyễn Thị Thuý Hằng	X	Tiến sĩ	Nội khoa
10		Nguyễn Thị Kim Hoa	X	Tiến sĩ	Nội khoa
11		Nguyễn Hoàng Thanh Vân	X	Tiến sĩ	Nội khoa
12		Dương Thị Ngọc Lan	X	Tiến sĩ	Nội khoa
13		Lê Chuyển	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
14		Hoàng Bùi Bảo	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
15		Trần Văn Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
16		Hoàng Anh Tiến	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
17		Nguyễn Đình Toàn	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
18		Trần Xuân Chương	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
1.4	Ngoại khoa				
1		Lê Quang Thử	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
2		Phùng Phướng	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
3		Nguyễn Nguyễn Thái Bảo	X	Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình
4		Phan Đình Tuấn Dũng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
5		Nguyễn Sanh Tùng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
6		Phạm Minh Đức	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
7		Nguyễn Đoàn Văn Phú	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
8		Trần Hữu Dũng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
9		Nguyễn Văn Lượng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
10		Nguyễn Nhật Minh	X	Tiến sĩ	Tiết niệu
11		Hồ Duy Bình	X	Tiến sĩ	Y học
12		Nguyễn Hữu Trí	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
13		Đặng Lê Hoàng Nam	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
14		Nguyễn Khoa Hùng	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
15		Lê Đình Khánh	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
16		Lê Nghi Thành Nhân	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
17		Phạm Anh Vũ	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
18		Nguyễn Trường An	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
1.5	Nhi khoa				
1		Tôn Nữ Văn Anh	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
2		Nguyễn Thị Cự	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
3		Phan Hùng Việt	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
4		Hoàng Thị Thuý Yên	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
5		Nguyễn Hữu Châu Đức	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
6		Nguyễn Phúc Thu Trang	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
7		Trần Đình Bình	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
8		Nguyễn Thị Thanh Bình	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
9		Bùi Bình Bảo Sơn	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
10		Trần Như Minh Hằng	X	Tiến sĩ	Tâm thần
1.6	Sân phụ khoa				
1		Cao Ngọc Thành	X	Tiến sĩ	Sân khoa
2		Trương Quang Vinh	X	Tiến sĩ	Sân khoa
3		Lê Lam Hương	X	PGS, Tiến sĩ	Sân khoa
4		Võ Văn Đức	X	Tiến sĩ	Sân khoa
5		Trương Thị Linh Giang	X	Tiến sĩ	Sân khoa
6		Nguyễn Trần Thảo Nguyên	X	Tiến sĩ	Sân khoa
7		Trần Mạnh Linh	X	Tiến sĩ	Sân khoa
8		Lê Minh Tâm	X	PGS, Tiến sĩ	Sân khoa
9		Nguyễn Văn Cầu	X	Tiến sĩ	Sân phụ khoa
10		Nguyễn Vũ Quốc Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sân khoa
1.7	Y tế công cộng				
1		Nguyễn Hoàng Lan	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
2		Võ Văn Thắng	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Y tế công cộng
3		Nguyễn Hoàng Thùy Linh	X	Tiến sĩ	Nâng cao sức khỏe toàn cầu
4		Trần Đại Tri Hân	X	Tiến sĩ	Tiến sĩ y học
5		Đoàn Vương Diễm Khánh	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
6		Nguyễn Thị Thanh Nhân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
7		Phan Thị Bích Ngọc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
8		Trần Bình Thắng	X	Tiến sĩ	Y tế Công cộng
9		Ngô Viết Lộc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
10		Đặng Thị Anh Thư	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
11		Hoàng Thị Bạch Yến	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
12		Nguyễn Minh Tâm	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
13		Nguyễn Văn Hùng	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
14		Đoàn Phước Thuộc	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
15		Nguyễn Thanh Gia	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
II	Thạc sỹ				
2.1	Dược lý và dược lâm sàng				
1		Hồ Việt Đức	X	PGS, Tiến sĩ	Hóa học
2		Đào Thị Cẩm Minh	X	Tiến sĩ	Dược

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
3		Lê Thị Loan Chi	X	Tiến sĩ	Dược
4		Trương Viết Thành	X	Tiến sĩ	Dược
5		Trần Hữu Dũng	X	PGS, Tiến sĩ	Dược
6		Nguyễn Thị Hoài	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Dược
7		Hồ Hoàng Nhân	X	Tiến sĩ	Dược
2.2	Điện quang và y học hạt nhân				
1		Lê Văn Ngọc Cường	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
2		Lê Trọng Khoan	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
3		Hoàng Minh Lợi	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
4		Lê Trọng Bình	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
5		Nguyễn Thanh Thảo	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
6		Nguyễn Văn Mão	X	PGS, Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh
7		Đặng Công Thuận	X	PGS, Tiến sĩ	Giải phẫu bệnh
2.3	Điều dưỡng				
1		Lê Văn An	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
2		Mai Bá Hải	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
3		Nguyễn Thị Phương Thảo	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4		Hồ Thị Thùy Trang	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
5		Nguyễn Thị Anh Phương	X	Tiến sĩ	NCYH - SK quốc tế
6		Đào Nguyễn Diệu Trang	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
7		Nguyễn Thị Kim Anh	X	Tiến sĩ	Sản khoa
2.4	Gây mê hồi sức				
1		Lê Văn Tâm	X	Tiến sĩ	Nội khoa
2		Nguyễn Văn Minh	X	PGS, Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
3		Phan Thắng	X	Tiến sĩ	Hồi sức cấp cứu
4		Trần Xuân Thịnh	X	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
2.5	Khoa học y sinh				
1		Phan Thị Minh Phương	X	PGS, Tiến sĩ	Miễn dịch
2		Lê Văn An	X	PGS, Tiến sĩ	Vì Sinh lâm sàng và phân tử
3		Tôn Nữ Phương Anh	X	PGS, Tiến sĩ	Y sinh học
4		Ngô Thị Minh Châu	X	Tiến sĩ	Y sinh học
5		Phù Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Hóa sinh
6		Ngô Viết Quỳnh Trâm	X	PGS, Tiến sĩ	Vì Sinh lâm sàng và phân tử
7		Nguyễn Phương Thảo Tiên	X	Tiến sĩ	Khoa học đời học và Công nghệ sinh học
8		Hà Thị Minh Thi	X	PGS, Tiến sĩ	Y sinh học di truyền
2.6	Nội khoa				
1		Trần Hữu Dàng	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
2		Hoàng Khánh	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
3		Huỳnh Văn Minh	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
4		Võ Tam	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
5		Nguyễn Hải Thùy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
6		Hoàng Thị Thu Hương	X	PGS, Tiến sĩ	Hóa sinh
7		Hoàng Viết Thắng	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
8		Nguyễn Anh Vũ	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
9		Nguyễn Thị Thuý Hằng	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
10		Nguyễn Thị Kim Hoa	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
11		Nguyễn Hoàng Thanh Vân	X	Tiến sĩ	Nội khoa
12		Dương Thị Ngọc Lan	X	Tiến sĩ	Nội khoa
13		Nguyễn Thị Hòa	X	Tiến sĩ	Y đa khoa
14		Nguyễn Quỳnh Châu	X	Tiến sĩ	Y sinh học
15		Lê Chuyên	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
16		Hoàng Thị Mai Thanh	X	Tiến sĩ	Y học chức năng

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
17		Vĩnh Khánh	X	Tiến sĩ	Nội khoa
18		Lê Phan Minh Triết	X	Tiến sĩ	Y sinh học
19		Lê Phan Tường Quỳnh	X	Tiến sĩ	Y sinh học
20		Nguyễn Thị Hiếu Dung	X	Tiến sĩ	Y sinh học
21		Phan Trung Nam	X	Tiến sĩ	Y sinh học
22		Mai Bá Hoàng Anh	X	Tiến sĩ	Da Liễu
23		Hoàng Bùi Bảo	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
24		Trần Văn Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
25		Hoàng Anh Tiến	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
26		Nguyễn Đình Toàn	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
27		Trần Xuân Chương	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
2.7	Ngoại khoa				
3		Lê Quang Thử	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
4		Phùng Phướng	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
5		Nguyễn Nguyễn Thái Bảo	X	Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình
6		Phan Đình Tuấn Dũng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
7		Nguyễn Sanh Tùng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
8		Phạm Minh Đức	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
9		Nguyễn Thanh Minh	X	Chuyên khoa cấp II	Ngoại khoa
10		Nguyễn Đoàn Văn Phú	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
11		Lê Hồng Phúc	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
12		Trần Hữu Dũng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
13		Nguyễn Văn Lượng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
14		Nguyễn Nhật Minh	X	Tiến sĩ	Tiết niệu
15		Hồ Duy Bình	X	Tiến sĩ	Y học
16		Nguyễn Hữu Trí	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
17		Đặng Lê Hoàng Nam	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
18		Nguyễn Khoa Hùng	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
19		Lê Đình Khánh	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
20		Lê Nghi Thành Nhân	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
21		Phạm Anh Vũ	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
2.8	Nhi khoa				
1		Tôn Nữ Vân Anh	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
2		Nguyễn Thị Cự	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
3		Phan Hùng Việt	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
4		Hoàng Thị Thuý Yên	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
5		Nguyễn Hữu Châu Đức	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
6		Nguyễn Phúc Thu Trang	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
7		Võ Thị Thu Thủy	X	Chuyên khoa cấp II	Nhi khoa
8		Nguyễn Hoàng Bách	X	Tiến sĩ	Vi sinh miễn dịch
9		Nguyễn Hải Quý Trâm	X	Tiến sĩ	Y sinh học
10		Trần Đình Bình	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
11		Hà Nữ Thuý Dương	X	Chuyên khoa cấp II	Huyết Học
12		Nguyễn Thị Thanh Bình	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
13		Bùi Bình Bảo Sơn	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
14		Trần Như Minh Hằng	X	Tiến sĩ	Tâm thần
2.9	Răng - Hàm - Mặt				
1		Nguyễn Toại	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
2		Phan Anh Chi	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
3		Nguyễn Thị Thùy Dương	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
4		Nguyễn Thị Thanh Hoàng	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
5		Phạm Nữ Như Ý	X	Chuyên khoa cấp II	Răng hàm mặt

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
6		Nguyễn Gia Kiều Ngân	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
7		Đặng Minh Huy	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
8		Nguyễn Thị Hoàng Yến	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
9		Nguyễn Thị Nhật Vy	X	Tiến sĩ	Y và nha khoa
10		Trần Tấn Tài	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
2.10	Sân phụ khoa				
1		Cao Ngọc Thành	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sân khoa
2		Trương Quang Vinh	X	PGS, Tiến sĩ	Sân khoa
3		Lê Lam Hương	X	PGS, Tiến sĩ	Sân khoa
4		Vô Văn Đức	X	Tiến sĩ	Sân khoa
5		Trương Thị Linh Giang	X	Tiến sĩ	Sân khoa
6		Nguyễn Trần Thảo Nguyên	X	Tiến sĩ	Sân khoa
7		Trần Mạnh Linh	X	Tiến sĩ	Sân khoa
8		Hoàng Thế Hiệp	X	Tiến sĩ	Sân khoa
9		Lê Minh Tâm	X	PGS, Tiến sĩ	Sân khoa
10		Nguyễn Văn Cầu	X	Tiến sĩ	Sân phụ khoa
11		Nguyễn Vũ Quốc Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sân khoa
2.11	Tai - Mũi - Họng				
1		Phan Văn Năm	X	PGS, Tiến sĩ	Nhân khoa
2		Nguyễn Tư Thế	X	PGS, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
3		Đặng Thanh	X	PGS, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
4		Nguyễn Thị Ngọc Khanh	X	Chuyên khoa cấp II	Tai Mũi Họng
5		Phan Hữu Ngọc Minh	X	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
6		Nguyễn Nguyễn	X	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
7		Lê Viết Nhật Hưng	X	Tiến sĩ	Nhân khoa
7		Lê Thanh Thái	X	PGS, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
2.12	Y học cổ truyền				
1		Nguyễn Thị Tân	X	PGS, Tiến sĩ	Y học cổ truyền
2		Hoàng Khánh Hằng	X	Tiến sĩ	Sinh lý
3		Phạm Thị Xuân Mai	X	Chuyên khoa cấp II	Y học cổ truyền
4		Đoàn Văn Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
5		Hồ Xuân Dũng	X	Tiến sĩ	Ung bướu
6		Lê Văn Chi	X	Tiến sĩ	Nội khoa
2.13	Y tế công cộng				
1		Lê Đình Dương	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
2		Nguyễn Hoàng Lan	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
3		Vô Văn Thắng	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Y tế công cộng
4		Nguyễn Hoàng Thùy Linh	X	Tiến sĩ	Nâng cao sức khỏe toàn cầu
5		Trần Đại Tri Hân	X	Tiến sĩ	Tiến sĩ y học
6		Đoàn Vương Diễm Khánh	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
7		Nguyễn Thị Thanh Nhân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
8		Phan Thị Bích Ngọc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
9		Trần Bình Thắng	X	Tiến sĩ	Y tế Công cộng
10		Ngô Viết Lộc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
11		Đặng Thị Anh Thư	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
12		Hoàng Thị Bạch Yến	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
13		Nguyễn Minh Tâm	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
14		Nguyễn Văn Hùng	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
15		Đoàn Phước Thuộc	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
16		Nguyễn Thanh Gia	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
III Chuyên khoa 2					
3.1 Nội khoa					
3.1.1		Lê Văn An	X	PGS, Tiến sĩ	Vì sinh
3.1.2		Hoàng Thị Thu Hương	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
3.1.3		Vĩnh Khánh	X	Tiến sĩ	Nội khoa
3.1.4		Huỳnh Văn Minh	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
3.1.5		Phan Trung Nam	X	Tiến sĩ	Y sinh học
3.1.6		Nguyễn Phương Thảo Tiên	X	Tiến sĩ	Y sinh học
3.1.7		Nguyễn Anh Vũ	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
3.2 Nội tiêu hóa					
3.2.1		Nguyễn Thị Huyền Thương	X	BSCKII	Nội tiêu hoá
3.3 Nội thận tiết niệu					
3.3.1		Nguyễn Hoàng Thanh Vân	X	Tiến sĩ	Nội khoa
3.4 Nội tiết					
3.4.1		Nguyễn Hải Thủy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
3.4.2		Đào Thị Vân Khánh	X	BSCKII	Nội khoa
3.5 Nội tim mạch					
3.5.1		Hoàng Anh Tiến	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
3.6 Lão khoa					
3.6.1		Trần Hữu Dàng	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
3.7 Thần kinh					
3.7.1		Hoàng Khánh	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
3.8 Ngoại khoa					
3.8.1		Phạm Minh Đức	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
3.8.2		Lê Quang Thửu	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
3.9 Chấn thương chỉnh hình					
3.9.1		Nguyễn Nguyễn Thái Bảo	X	Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình
3.10 Ngoại tiêu hóa					
3.10.1		Phan Đình Tuấn Dũng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
3.11 Ngoại tiết niệu					
3.11.1		Lê Đình Khánh	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
3.12 Sản phụ khoa					
3.12.1		Lê Minh Tâm	X	PGS, Tiến sĩ	Sản phụ khoa
3.12.2		Võ Văn Đức	X	Tiến sĩ	Sản khoa
3.12.3		Cao Ngọc Thành	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sản phụ khoa
3.13 Nhi khoa					
3.13.1		Phan Hùng Việt	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
3.13.2		Hoàng Thị Thủy Yên	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
3.14 Nhân khoa					
3.14.1		Phan Văn Năm	X	PGS, Tiến sĩ	Nhân khoa
3.15 Mũi họng					
3.15.1		Đặng Thanh	X	PGS, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
3.15.2		Nguyễn Nguyễn	X	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
3.16 Gây mê hồi sức					
3.16.1		Bùi Thị Thương	X	CKII	Gây mê hồi sức
3.17 Hồi sức cấp cứu					
3.17.1		Phan Thắng	X	Tiến sĩ	Hồi sức cấp cứu
3.18 Chẩn đoán hình ảnh					
3.18.1		Nguyễn Thanh Thảo	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
3.19 Răng hàm mặt					
3.19.1		Trần Tấn Tài	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
3.19.2		NguyễnToại	X	PGS, Tiến sĩ	Răng hàm mặt

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
3.19.3		Nguyễn Thị Hoàng Yến	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
3.20	Y học cổ truyền				
3.20.1		Vương Thị Kim Chi	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
3.20.2		Nguyễn Thị Hiếu Dung	X	Tiến sĩ	YHCT, Y sinh học
3.20.3		Hoàng Khánh Hằng	X	Tiến sĩ	YHCT, Y sinh học
3.21	Hóa sinh y học				
3.21.1		Phù Thị Hoa	X	Tiến sĩ	Hóa sinh
3.22	Huyết học				
3.22		Lê Phan Minh Triết	X	Tiến sĩ	Y sinh học
3.23	Truyền nhiễm				
3.23.1		Trần Xuân Chương	X	PGS, Tiến sĩ	Truyền nhiễm
3.23.2		Ngô Thị Minh Châu	X	PGS, Tiến sĩ	Ký sinh trùng
3.23.3		Nguyễn Thị Phương Thảo	X	Thạc sĩ	Truyền nhiễm
3.24	Tâm thần				
3.24.1		Trần Như Minh Hằng	X	Tiến sĩ	Tâm thần
3.25	Quản lý y tế				
3.25.1		Nguyễn Hoàng Bách	X	Tiến sĩ	Vì sinh miễn dịch
3.25.2		Nguyễn Thanh Gia	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
3.25.3		Đinh Thanh Huệ	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
3.25.4		Nguyễn Hoàng Thùy Linh	X	Tiến sĩ	Nâng cao SK toàn cầu
3.25.5		Nguyễn Thị Thanh Nhân	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
3.25.6		Nguyễn Thanh Tùng	X	Tiến sĩ	Khoa học sự sống
3.25.7		Vô Văn Thắng	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
3.25.8		Đoàn Phước Thuộc	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
3.26	Dược lý dược lâm sàng				
3.26.1		Trương Việt Thành	X	Tiến sĩ	Dược lâm sàng
3.26.2		Nguyễn Hồng Trang	X	Tiến sĩ	Dược
3.27	Ung thư				
3.27.1		Nguyễn Văn Cầu	X	Tiến sĩ	Ung thư
3.27.2		Nguyễn Trần Thảo Nguyên	X	Tiến sĩ	SPK, Ung thư
IV	Chuyên khoa I				
4.1	Nội khoa				
4.1.1		Nguyễn Cửu Long	X	Tiến sĩ	Nội khoa
4.2	Thần kinh				
4.2.1		Phan Thị Hồng Diệp	X	BSCKII	Nội khoa
4.3	Ngoại khoa				
4.3.1		Nguyễn Văn Lượng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
4.3.2		Nguyễn Thanh Minh	X	BSCKII	Ngoại khoa
4.4	Sân phụ khoa				
4.4.1		Nguyễn Xuân Phước	X	Tiến sĩ	Sân khoa
4.5	Nhi khoa				
4.5.1		Nguyễn Thị Cự	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
4.5.2		Võ Thị Thu Thủy	X	BSCKII	Nhi khoa
4.6	Nhân khoa				
4.6.1		Nguyễn Thị Thu	X	BSCKII	Nhân khoa
4.7	Răng Hàm Mặt				
4.7.1		Lê Văn Nhật Thắng	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
4.7.2		Phạm Nữ Như Ý	X	BSCKII	Răng hàm mặt
4.8	Tai Mũi Họng				
4.8.1		Nguyễn Thị Ngọc Khanh	X	BSCKII	Tai Mũi Họng
4.8.2		Nguyễn Lưu Trình	X	BSCKII	Tai Mũi Họng

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
4.9	Chẩn đoán hình ảnh				
4.9.1		Nguyễn Thị Ngọc Tỷ	X	BSCKII	Chẩn đoán hình ảnh
4.9.2		Hoàng Thị Ngọc Hà	X	Tiến sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.3		Ngô Đắc Hồng Ân	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.4		Trần Thị Sông Hương	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
4.9.5		Võ Công Quỳnh	X	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
4.9.6		Nguyễn Thị Thuỳ Linh	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.7		Huyền Tôn Nữ Hồng Hạnh	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.8		Trần Hồng Phương Dung	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.9		Hoàng Thị Phương Thảo	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.10		Trương Quang Quý	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.11		Văn Nữ Thuỳ Linh	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.9.12		Nguyễn Thị Thanh Nhi	X	Thạc sĩ	Điện quang và YHHN
4.10	Gây mê hồi sức				
4.10.1		Trần Thị Thu Lành	X	BSCKII	Gây mê hồi sức
4.10.2		Nguyễn Văn Minh	X	PGS, Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
4.11	Hồi sức cấp cứu				
4.11.1		Hoàng Viết Thắng	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
4.12	Y học cổ truyền				
4.12.1		Phạm Thị Xuân Mai	X	BSCKII	Y học cổ truyền
4.12.2		Hoàng Thị Mai Thanh	X	Tiến sĩ	YHCT, Y sinh học
4.13	Phục hồi chức năng				
4.13.1		Hà Chân Nhân	X	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
4.13.2		Tôn Thất Minh Đạt	X	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
4.13.3		Trần Thị Quỳnh Trang	X	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
4.13.4		Nguyễn Thị Văn Kiều	X	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
4.13.5		Nguyễn Phước Minh Tâm	X	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
4.13.6		Đặng Thị Thu Hằng	X	Thạc sĩ	Phục hồi chức năng
4.14	Dược lý - Dược LS				
4.14.1		Trần Hữu Dũng	X	PGS, Tiến sĩ	Dược
4.14.2		Hồ Hoàng Nhân	X	Tiến sĩ	Dược
4.14.3		Hồ Việt Đức	X	PGS, Tiến sĩ	Hóa học
4.14.4		Trần Thái Sơn	X	Tiến sĩ	Dược
4.14.5		Lê Chuyển	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa, dược lý
4.14.6		Trương Thị Diệu Thuần	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa, dược lý
4.14.7		Trần Văn Hoà	X	BSCKII	Dược lý
4.14.8		Lê Thị Loan Chi	X	Tiến sĩ	Dược
4.15	Tổ chức - QLD				
4.15.1		Đào Thị Cẩm Minh	X	Tiến sĩ	Dược
4.15.2		Trần Thị Thuỳ Linh	X	Tiến sĩ	Dược
4.16	Dược liệu - DCT				
4.16.1		Nguyễn Thị Hoài	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Dược
4.17	Da liễu				
4.17.1.1		Mai Bá Hoàng Anh	X	Tiến sĩ	Da liễu
4.17.1.2		Nguyễn Thị Trà My	X	Thạc sĩ	Da liễu
4.18	Tâm thần				
4.18.1		Nguyễn Hữu Cát	X	BSCKII	Tâm thần
4.19	Truyền nhiễm				
4.19.1		Nguyễn Lô	X	Tiến sĩ	Truyền nhiễm, Nội
4.19.2		Phan Từ Khánh Phương	X	Thạc sĩ	Truyền nhiễm
4.20	Hóa sinh y học				
4.20.1		Dương Thị Bích Thuận	X	Tiến sĩ	Hóa sinh

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
4.20.2		Nguyễn Minh Quang	X	BSCKII	Hóa sinh
4.21	Huyết học TM				
4.21.1		Hà Nữ Thủy Dương	X	BSCKII	Huyết Học
4.22	Y học gia đình				
4.22.1		Nguyễn Minh Tâm	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.22.2		Nguyễn Văn Hùng	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.22.3		Phan Thị Bích Ngọc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.22.4		Ngô Viết Lộc	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.22.5		Nguyễn Thị Hoà	X	Tiến sĩ	Y học gia đình
4.23	Y tế công cộng				
4.23.1		Đoàn Vương Diễm Khánh	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.23.2		Lê Đình Dương	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.23.3		Trần Đình Bình	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
4.24	Dịch tễ học				
4.24.1		Nguyễn Hoàng Lan	X	PGS, Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.25	Y học dự phòng				
4.25.1		Hoàng Thị Bạch Yến	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.25.2		Đặng Thị Anh Thư	X	Tiến sĩ	Y tế công cộng
4.25.3		Trần Đại Tri Hân	X	Tiến sĩ	Y học dự phòng
4.26	Điều dưỡng				
4.26.1		Lê Văn An	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
4.26.2		Hồ Duy Bình	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
4.26.3		Nguyễn Thị Kim Hoa	X	Tiến sĩ	Nội khoa
4.26.4		Nguyễn Thị Anh Phương	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4.26.5		Mai Bá Hải	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4.26.6		Nguyễn Thị Phương Thảo	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4.26.7		Hồ Thị Thùy Trang	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4.26.8		Đào Nguyễn Diệu Trang	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4.26.9		Nguyễn Thị Kim Anh	X	Tiến sĩ	Sản khoa
4.26.10		Dương Thị Ngọc Lan	X	Tiến sĩ	Điều dưỡng
4.27	Cấp cứu đa khoa				
4.27.1		Nguyễn Đình Toàn	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
4.28	Ung thư				
4.28.1		Phùng Phương	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa, Ung bướu
4.28.2		Trương Thị Linh Giang	X	Tiến sĩ	Sản khoa
4.29	Ký sinh trùng côn trùng				
4.29.1		Tôn Nữ Phương Anh	X	PGS, Tiến sĩ	Y sinh học
4.30	Lao				
4.30.1		Ngô Thị Cúc	X	BSCKII	Nội khoa
4.31	Sinh lý				
4.31.1		Nguyễn Hải Quý Trâm	X	Tiến sĩ	YHCT, Y sinh học
4.32	Vĩ sinh y học				
4.32.1		Ngô Viết Quỳnh Trâm	X	PGS, Tiến sĩ	Vĩ Sinh lâm sàng và phân tử
V Bác sỹ Nội trú					
5.1	Chẩn đoán hình ảnh				
5.1.1		Lê Trọng Bình	X	Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
5.1.2		Lê Văn Ngọc Cường	X	PGS, Tiến sĩ	Điện quang và YHHN
5.1.3		Nguyễn Văn Mão	X	PGS, Tiến sĩ	GPB, CĐHA
5.1.4		Đặng Công Thuận	X	PGS, Tiến sĩ	GPB, CĐHA
5.1.5		Lê Trọng Khoan	X	PGS, Tiến sĩ	Chẩn đoán hình ảnh
5.1.6		Đặng Lê Hoàng Nam	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
5.1.7		Nguyễn Sanh Tùng	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa

TT	Ngành/ Chuyên ngành	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	DS GVCH theo QĐ về điều kiện mở ngành ĐT(2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
5.1.8		Nguyễn Khoa Hùng	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
5.2	Gây mê hồi sức				
5.2.1		Trần Xuân Thịnh	X	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức
5.3	Hồi sức cấp cứu				
5.3.1		Lê Văn Tâm	X	Tiến sĩ	Hồi sức cấp cứu
5.4	Huyết học truyền máu				
5.4.1		Nguyễn Duy Thắng	X	PGS, Tiến sĩ	Huyết học
5.4.2		Nguyễn Quỳnh Châu	X	Tiến sĩ	Y sinh học
5.5	Nội khoa				
5.5.1		Hoàng Bùi Bảo	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.2		Lê Văn Chi	X	Tiến sĩ	Nội, YHCT
5.5.3		Nguyễn Thị Thúy Hằng	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.4		Võ Tam	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.5		Trần Văn Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.6		Lê Thị Bích Thuận	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.7		Hà Thị Minh Thi	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.8		Lê Văn Bằng	X	PGS, Tiến sĩ	Nội khoa
5.5.9		Phan Thị Minh Phương	X	PGS, Tiến sĩ	Y sinh học
5.6	Ngoại khoa				
5.6.1		Lê Nghi Thành Nhân	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
5.6.2		Nguyễn Đoàn Văn Phú	X	Tiến sĩ	Ngoại khoa
5.6.3		Phạm Anh Vũ	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
5.6.4		Nguyễn Nhật Minh	X	Tiến sĩ	Tiết niệu
5.6.5		Lê Hồng Phúc	X	Tiến sĩ	CTCH PTTH
5.7	Nhân khoa				
5.7.1		Lê Viết Nhật Hưng	X	Tiến sĩ	Nhân khoa
5.8	Nhi khoa				
5.8.1		Tôn Nữ Văn Anh	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
5.8.2		Nguyễn Thị Thanh Bình	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
5.8.3		Nguyễn Hữu Châu Đức	X	Tiến sĩ	Nhi khoa
5.8.4		Bùi Bình Bảo Sơn	X	PGS, Tiến sĩ	Nhi khoa
5.8.5		Nguyễn Duy Nam Anh	X	BSCKII	Nhi khoa
5.9	Răng Hàm Mặt				
5.9.1		Phan Anh Chi	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
5.9.2		Nguyễn Thị Thùy Dương	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
5.9.3		Nguyễn Gia Kiều Ngân	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
5.9.4		Đặng Minh Huy	X	Tiến sĩ	Răng hàm mặt
5.9.5		Vũ Thị Bắc Hải	X	BSCKII	Răng hàm mặt
5.1	Sân phụ khoa				
5.10.1		Trương Quang Vinh	X	PGS, Tiến sĩ	Sân phụ khoa
5.10.2		Nguyễn Vũ Quốc Huy	X	Giáo sư, Tiến sĩ	Sân khoa
5.10.3		Lê Lam Hương	X	PGS, Tiến sĩ	Sân phụ khoa
5.11	Tai Mũi Họng				
5.11.1		Nguyễn Tư Thế	X	PGS, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
5.11.2		Lê Thanh Thái	X	PGS, Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
5.11.3		Phan Hữu Ngọc Minh	X	Tiến sĩ	Tai Mũi Họng
5.11.4		Nguyễn Trường An	X	PGS, Tiến sĩ	Ngoại khoa
5.12	Ung thư				
5.12.1		Hồ Xuân Dũng	X	Tiến sĩ	Ung bướu
5.13	Y học cổ truyền				
5.13.1		Đoàn Văn Minh	X	Tiến sĩ	Y học cổ truyền
5.13.2		Nguyễn Thị Tân	X	PGS, Tiến sĩ	Y học cổ truyền

BÁO CÁO SƠ CƠ SỞ THỰC HÀNH
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO NĂM 2022
(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

Trưởng Đại học Y - Dược, Đại học Huế

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố sơ khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố sơ khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
I	Thực sỹ						
1	Nội khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
2	Ngoại khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
3	Sản phụ khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
4	Nhi khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
5	Răng hàm mặt	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
6	Tai mũi họng	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
7	Điều dưỡng	Bệnh viện Trung ương Huế	đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	chưa công bố				
8	Điện quang và YH HN	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
9	Y học cổ truyền	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=I&cn=32&tc=930
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
10	GMHS	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố sơ khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
III	Chuyên khoa cấp II						
1	Nội khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đã công bố	https://bvcdn.org.vn/2019/12/27/benh-vien-c-da-nang-cong-bo-co-so-kham-benh-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe/
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
					Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam	Chưa công bố	
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Chưa công bố	http://tochuuccanbo.medinet.gov.vn/chuyen-muc/thong-bao-so-1004b-syt-ngay-0532019-cua-so-y-te-ve-cong-bo-benh-vien-nguyen-tr-c14541-12104.aspx
2	Ngoại khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	Chưa công bố	
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Chưa công bố	
					Bệnh viện Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Đã công bố	http://soyte.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=107&NewsViews=1009
3	Sân phụ khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Ngãi	Chưa công bố	
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Chưa công bố	
4	Nhi khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Phụ sản - Nhi Quảng Ngãi	Chưa công bố	
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
5	Răng hàm mặt	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Răng hàm mặt thành phố HCM	Đã công bố	http://tochuuccanbo.medinet.gov.vn/chuyen-muc/thong-bao-so-3783b-syt-ngay-22-thang-7-nam-2020-cua-so-y-te-ve-cong-bo-benh-vi-c14541-30752.aspx
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
6	Thần kinh	Bệnh viện Trung ương Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827		Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	
7	Nhân khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Mắt Huế	Chưa công bố	
8	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	Chưa công bố	
9	Chấn thương chỉnh hình	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
10	GMHS	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	Chưa công bố	
11	Hóa sinh	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
12	HHTM	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
13	Lão khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
14	Mũi họng	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
15	Tâm thần	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Tâm thần Huế	Đã công bố	https://bvtthan.thuathienhue.gov.vn/?gclid=5&cn=32&tc=22093
16	Y học cổ truyền	Bệnh viện Trung ương Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Viện Y Dược học dân tộc TP HCM	Đã công bố	https://vienydhdt.gov.vn/dao-tao-nckh-cdt/thong-bao-dao-tao-cong-bo-vien-y-dược-hoc-dan-toc-dap-ung-yeu-cau-dao-tao-thuc-hanh-dinh-duong-tiet-che.html
17	Quản lý y tế	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thừa Thiên Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=1&cn=32&tc=930
				Bệnh viện Đa Năng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Chưa công bố	

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
III	Bác sĩ nội trú						
1	Nội khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
2	Ngoại khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
3	Sản phụ khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
4	Nhi khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
5	Răng hàm mặt	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
6	Tai mũi họng	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
7	Nhân khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Mắt Huế	Chưa công bố	
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
8	Chẩn đoán hình ảnh/ Điện quang và YH HN	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
9	Y học cổ truyền	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=1&cn=32&tc=930
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
10	GMHS	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
11	Ứng thư	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
12	HHTM	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
II	Chuyên khoa cấp I						
1	Nội khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Đã công bố	http://soyte.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=107&NewsViews=1009
					Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Chưa công bố	
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên	Chưa công bố	
2	Ngoại khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
3	Sân phụ khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Đã công bố	http://soyte.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=107&NewsViews=1009
4	Nhi khoa	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Phụ sản- Nhi Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet-tintuc?dinhdanh=3002&cat=3261650
5	Răng hàm mặt	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	Chưa công bố	
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Răng hàm mặt thành phố HCM	Đã công bố	http://tochuccanbo.medinet.gov.vn/chuyen-muc/thong-bao-so-3783th-syt-ngay-22-thang-7-nam-2020-cua-so-y-te-ve-cong-bo-benh-vi-c14541-30752.aspx
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện thành phố Thủ Đức	Chưa công bố	
6	Tai mũi họng	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
7	Điều dưỡng	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
					Bệnh viện Đà Nẵng	Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Tiền Giang	Đã công bố	http://soyietien giang.gov.vn/chitiet-tintuc?co-so-kham-benh-chua-benh-ap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-ao-tao-khoi-nganh-suc-khoe-benh-vien-a-khoa-trung-tam-19980256

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác	
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định
7	Điều dưỡng				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Chưa công bố
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	Chưa công bố
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận	Chưa công bố
		Bệnh viện Trung ương Huế		https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Chưa công bố
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố			
8	Chẩn đoán hình ảnh	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố			
9	Y học cổ truyền					
10	GMHS					

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
11	Nhân khoa	Bệnh viện Trung ương Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Mắt Huế	Chưa công bố	
12	Da liễu	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Da liễu thành phố Đà Nẵng	Đã công bố	https://daliendanang.com/news/Tintuc/Benh-vien-Da-lieu-Da-Nang-cong-bo-co-so-kham-chua-benh-dap-ung-yeu-cau-la-co-so-thuc-hanh-trong-dao-tao-khoi-nganh-suc-khoe-244.html
13	Lao	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế Bệnh viện Trung ương Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
14	Huyết học truyền máu	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế Bệnh viện Trung ương Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
15	TN BNĐ	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế Bệnh viện Trung ương Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố Chưa công bố Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Khánh Hòa	Chưa công bố	
16	Tâm thần	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Tâm thần Huế Viện pháp y Tâm thần Trung Ương Biên Hòa	Đã công bố Chưa công bố	https://bvtthan.thuathienhue.gov.vn/?gd=5&cn=32&tc=22093
17	Hồi sức cấp cứu	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
18	Thần kinh	Bệnh viện Trung ương Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
19	Ung thư	Bệnh viện Trung ương Huế Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
20	Dược lý Dược lâm sàng				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa Bệnh viện Đà Nẵng	Chưa công bố Đã công bố	https://soyte.danang.gov.vn/chitiet?articleId=4623130
21	Tổ chức Quản lý được				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Đã công bố Chưa công bố	http://soyte.quangnam.gov.vn/Default.aspx?tabid=107&NewsViews=1009

Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác				
TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
22	Y tế công cộng				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Chưa công bố	
23	Y học gia đình				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum	Chưa công bố	
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Chưa công bố	
24	Phục hồi chức năng				Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Chưa công bố	
					Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Chưa công bố	
25	Y học dự phòng				Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình	Chưa công bố	
II	Đại học chính quy						
1	Y đa khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện RHM Huế	Đã công bố	https://bvrhm.thuathienhue.gov.vn/?gclid=4&cn=32&tc=10727
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Tâm thần Huế	Đã công bố	https://bvythanh.thuathienhue.gov.vn/?gclid=5&cn=32&tc=22093
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố		Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=1&cn=32&tc=930
2	RHM	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Mắt Huế	Chưa công bố	https://bvrhm.thuathienhue.gov.vn/?gclid=4&cn=32&tc=10727
		Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố		Trung tâm Y tế Phú Vang	Chưa công bố	
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=1&cn=32&tc=930
3	YHCT	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện RHM Huế	Đã công bố	https://bvrhm.thuathienhue.gov.vn/?gclid=4&cn=32&tc=10727
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Tâm thần Huế	Đã công bố	https://bvythanh.thuathienhue.gov.vn/?gclid=5&cn=32&tc=22093
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=1&cn=32&tc=930
4	YHDP	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện RHM Huế	Đã công bố	https://bvrhm.thuathienhue.gov.vn/?gclid=4&cn=32&tc=10727
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Tâm thần Huế	Đã công bố	https://bvythanh.thuathienhue.gov.vn/?gclid=5&cn=32&tc=22093
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Mắt Huế	Chưa công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gclid=1&cn=32&tc=930

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP			Tên cơ sở thực hành khác		
		Tên cơ sở thực hành	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
5	Điều dưỡng	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện Mắt Huế	Chưa công bố	https://bvtthan.thuathienhue.gov.vn/?gd=5&cn=32&tc=22093
6	KTXNYH	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện Tâm thần Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gd=1&cn=32&tc=930
7	KTHAYH	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	
8	Hộ sinh	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
9	YTCC	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
10	Dược	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm	Chưa công bố	
V. Đào tạo liên thông (chính quy tập trung)							
1	Y đa khoa	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827	Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gd=1&cn=32&tc=930
2	YHCT	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Bệnh viện YHCT Huế	Đã công bố	https://bvyhct.thuathienhue.gov.vn/?gd=1&cn=32&tc=930
3	YHDP	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
4	Điều dưỡng	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
5	Dược	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố		Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm Thừa Thiên Huế	Chưa công bố	
6	KTHAYH	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	https://www.bvtvhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
VI. Đào tạo liên thông (vừa làm vừa học)							
1	ĐDDĐK	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	http://bvtvhue.com.vn/MasterDetails.aspx?key=9259f563-250a-43e4-9354-443263222abe&ref=54	Bệnh viện Tâm thần Huế	Đã công bố	https://bvtthan.thuathienhue.gov.vn/?gd=5&cn=32&tc=22093
		Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Cơ sở thực hành theo quy định tại khoản 2, điều 10, Nghị định 111/2017/NĐ-CP	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố sơ khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định (1)	Tên cơ sở thực hành khác	Công bố cơ sở khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành theo quy định	Đường link để tải Bản công bố của cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện công bố theo quy định
2	ĐDPS	Bệnh viện Trung ương Huế	Đã công bố	http://bvtwhue.com.vn/MasterDetails.aspx?key=9259563-250a-43c4-9354-4d3263222abe&ref=54			
3	ĐD GMHS	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Chưa công bố				
4	KTHA	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			
5	KTXN	Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế	Đã công bố	https://www.bvtwhue.com.vn/Danhmuc/Tintuc/?lang=vi&ID=20827			

Người lập bảng

Họ tên: CN. Lê Thị Thu Hằng

Chữ ký: 

Điện thoại:

Email: lthang@huemed-univ.edu.vn

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

PHỤ TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

Biểu 08: BCTS-QT

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH LÀO/CAMPUCHIA NĂM 2021-2022

Tên đơn vị báo cáo: Trường Đại học - Dược, Đại học Huế

TT	Nước/Trình độ, chuyên ngành	Năm 2021				Năm 2022	
		Quy mô (31/12/2021)	Số tốt nghiệp	Số chi tiêu	Số nhập học	Số tốt nghiệp (Dự kiến)	Số chi tiêu
I	Đại học						
1	Lào/Y khoa	65	26	Do Bộ GD&ĐT và ĐHH phân bổ	11	26	Do Bộ GD&ĐT và ĐHH phân bổ
2	Lào/Răng - Hàm - Mặt	7	1		1	1	
3	Lào/Dược học	4	1		1	0	
	Tổng	76	28		13	27	
II	Thạc sĩ						
1	Lào/Ngoại khoa	1	0	Do ĐHH phân bổ	1	0	Do ĐHH phân bổ
2	Lào/Nội khoa	1	0		1	0	
3	Lào/Tai - Mũi - Họng	1	0		1	0	
	Tổng	3	0		3	0	

Người lập bảng 1

Họ tên: TS. Phan Trung Nam

Chữ ký:

Điện thoại: 0914156622

Email: ptnam@huemed-univ.edu.vn

Người lập bảng 2

Họ tên: PGS. TS. Nguyễn Trường An

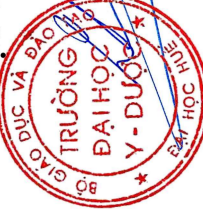
Chữ ký:

Điện thoại: 0914126398

Email: ntan@huemed-univ.edu.vn

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy